

–Bạch Thế Tôn, pháp thâm diệu này có thể tùy thuận tất cả pháp. Nghĩa là có thể tùy thuận Bát-nhã, Tịnh lự, Tịnh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa. Nói rộng cho đến trí Nhất thiết tướng. Pháp thâm diệu này hoàn toàn không gây ngại. Nghĩa là không ngăn ngại sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nói rộng cho đến trí Nhất thiết tướng. Pháp thâm diệu này lấy vô ngại làm tướng. Vì sao? Vì hư không bình đẳng; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn bình đẳng; vì không, vô tướng, vô nguyện bình đẳng; vì không sinh, không diệt, bình đẳng; không tạo, không tác bình đẳng; không nhiễm, không tịnh bình đẳng nên pháp thâm diệu này lấy vô ngại làm tướng. Pháp thâm diệu này không sinh, không diệt. Vì sao? Vì sắc không sinh, không diệt. Vì thọ, tưởng, hành, thức không sinh, không diệt; nói rộng cho đến vì trí Nhất thiết không sinh, không diệt; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không sinh, không diệt nên pháp thâm diệu này không sinh, không diệt. Pháp thâm diệu này hoàn toàn không để lại dấu vết. Vì sao? Vì dấu vết của sắc chẳng thể nắm bắt được; dấu vết của thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nắm bắt được; nói rộng cho đến dấu vết của trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được; dấu vết của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng thể nắm bắt được nên pháp thâm diệu hoàn toàn không có dấu vết.

Bấy giờ, các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc lại bạch Phật:

–Đại đức Thiện Hiện đúng là con của Phật sinh ra từ Như Lai? Vì sao? Vì những điều mà Đại đức Thiện Hiện thuyết pháp đều tương ứng với tánh không.

Cụ thọ Thiện Hiện hỏi các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc:

–Các ông nói ta chính là con của Phật, được sinh ra từ Như Lai. Thế nào là Thiện Hiện được sinh từ Như Lai? Nghĩa là từ chân như của Như Lai sinh vậy. Vì sao? Vì chân như của Như Lai không đến, không đi. Chân như của Thiện Hiện cũng không đến, không đi nên nói Thiện Hiện được sinh từ Như Lai. Chân như của Như Lai tức là chân như của tất cả pháp. Chân như của tất cả pháp tức chân như của Như Lai. Như vậy, chân như không có tánh chân như, cũng không có tánh chẳng chân như. Chân như của Thiện Hiện cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện được sinh từ Như Lai. Chân như của Như Lai lấy thường trụ làm tướng. Chân như của Thiện Hiện cũng lại như vậy,

nên nói Thiện Hiện được sinh từ Như Lai. Chân như của Như Lai không biến đổi, không phân biệt nhưng chuyển biến khắp các pháp. Chân như của Thiện Hiện cũng lại như thế, nên nói Thiện Hiện được sinh từ Như Lai. Chân như của Như Lai không bị ngăn ngại. Chân như của tất cả pháp cũng không bị ngăn ngại. Dù chân như của Như Lai hay chân như của tất cả pháp đều cũng đồng một chân như, không hai không khác, không tạo, không tác. Chân như này là tướng thường chân như, không lúc nào là tướng chẳng phải chân như. Vì tướng thường chân như, không lúc nào là tướng chẳng phải chân như nên nó không hai không khác. Chân như của Thiện Hiện cũng lại như thế, nên nói Thiện Hiện được sinh từ Như Lai. Đối với tất cả xứ, chân như của Như Lai không nhớ nghĩ, không phân biệt. Chân như của Thiện Hiện cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện được sinh từ Như Lai. Chân như của Như Lai không sai khác, chẳng thể nắm bắt được. Chân như của Thiện Hiện cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện được sinh từ Như Lai. Chân như của Như Lai chẳng lia chân như của tất cả pháp. Chân như của tất cả pháp chẳng lia chân như Như Lai. Chân như này là tướng thường chân như, không lúc nào là tướng chẳng phải chân như. Chân như của Thiện Hiện cũng lại như vậy nên nói Thiện Hiện được sinh từ Như Lai. Tuy nói được sinh từ Như Lai nhưng không có chỗ sinh vì chân như của Thiện Hiện chẳng khác chân như của Phật. Chân như của Như Lai chẳng phải thuộc quá khứ, chẳng phải thuộc hiện tại, chẳng phải thuộc vị lai. Chân như của tất cả pháp cũng chẳng phải thuộc quá khứ, chẳng phải thuộc hiện tại, chẳng phải thuộc vị lai. Chân như của Thiện Hiện cũng lại như thế, nên nói Thiện Hiện được sinh từ Như Lai. Vì chân như quá khứ bình đẳng nên chân như của Như Lai bình đẳng, vì chân như của Như Lai bình đẳng nên chân như của quá khứ bình đẳng. Vì chân như của vị lai bình đẳng nên chân như của Như Lai bình đẳng. Vì chân như của Như Lai bình đẳng nên chân như của vị lai bình đẳng. Vì chân như của hiện tại bình đẳng nên chân như của Như Lai bình đẳng. Chân như của Như Lai bình đẳng nên chân như của hiện tại bình đẳng. Dù chân như của quá khứ, hoặc chân như của vị lai, hoặc chân như của hiện tại bình đẳng, hay chân như của Như Lai bình đẳng đều cũng đồng một chân như, bình đẳng không hai không khác. Vì chân như của sắc bình đẳng

nên chân như của Như Lai bình đẳng. Chân như của Như Lai bình đẳng nên chân như của sắc bình đẳng. Chân như của thọ, tưởng, hành, thức bình đẳng nên chân như của Như Lai bình đẳng. Chân như của Như Lai bình đẳng nên chân như của thọ, tưởng, hành, thức bình đẳng. Dù chân như của sắc, hoặc chân như của thọ, tưởng, hành, thức bình đẳng, hay chân như của Như Lai bình đẳng, đều cũng đồng một chân như, bình đẳng không hai không khác. Nói rộng cho đến chân như của trí Nhất thiết bình đẳng nên chân như của Như Lai bình đẳng. Vì chân như của Như Lai bình đẳng nên chân như của trí Nhất thiết bình đẳng. Chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng bình đẳng nên chân như của Như Lai bình đẳng. Vì chân như của Như Lai bình đẳng nên chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng bình đẳng. Dù chân như của trí Nhất thiết, hoặc chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng bình đẳng, hay chân như của Như Lai bình đẳng, đều cũng đồng một chân như, bình đẳng không hai không khác. Thiên tử nên biết, các Đại Bồ-tát hiện chứng chân như của tất cả pháp bình đẳng như thế nên gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Đối với chân như của các pháp này, ta rất tin hiểu nên nói Thiện Hiện được sinh từ Như Lai.

Khi đang thuyết tướng chân như này, khắp ba ngàn thế giới rung động sáu cách: Đông vọt lên Tây lặn xuống; Tây vọt lên Đông lặn xuống; Nam vọt lên Bắc lặn xuống; Bắc vọt lên Nam lặn xuống; giữa vọt lên chung quanh lặn xuống; chung quanh vọt lên giữa lặn xuống.

Bấy giờ, các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc lần lượt đem các loại bột thơm vi diệu của cõi trời và các hoa trời tung rải lên Thế Tôn và Thiện Hiện, rồi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thật kỳ lạ, chưa từng có! Đại đức Thiện Hiện do chân như nên được sinh ra từ Như Lai.

Thiện Hiện bảo các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc:

–Thiên tử nên biết, Thiện Hiện tôi sinh ra từ Như Lai, không do sắc, không do thọ, tưởng, hành, thức nên được sinh ra từ Như Lai, không do chân như của sắc nên được sinh ra từ Như Lai. Không do chân như thọ, tưởng, hành, thức nên được sinh ra từ Như Lai. Không lìa sắc nên được sinh ra từ Như Lai. Không lìa thọ, tưởng, hành, thức nên được sinh ra từ Như Lai. Không lìa chân như của sắc nên được

sinh ra từ Như Lai. Không lìa chân như của thọ, tưởng, hành, thức nên được sinh ra từ Như Lai. Nói rộng cho đến không do trí Nhất thiết nên được sinh ra từ Như Lai. Không do trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng nên được sinh ra từ Như Lai. Không do chân như của trí Nhất thiết nên được sinh ra từ Như Lai. Không do chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng nên được sinh ra từ Như Lai. Không lìa trí Nhất thiết nên được sinh ra từ Như Lai, không lìa trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng nên được sinh ra từ Như Lai. Không lìa chân như của trí Nhất thiết nên được sinh ra từ Như Lai. Không lìa chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng nên được sinh ra từ Như Lai. Không do hữu vi nên được sinh ra từ Như Lai, không do vô vi nên được sinh ra từ Như Lai. Không do chân như của hữu vi nên được sinh ra từ Như Lai. Không do chân như của vô vi nên được sinh ra từ Như Lai. Không lìa hữu vi nên được sinh ra từ Như Lai. Không lìa vô vi nên được sinh ra từ Như Lai. Không lìa chân như của hữu vi nên được sinh ra từ Như Lai. Không lìa chân như của vô vi nên được sinh ra từ Như Lai. Vì sao? Tất cả pháp này đều không thật có. Những người tùy theo pháp này mà sinh, hoặc là sự tùy sinh của pháp này hoặc do đây mà sinh và chỗ để tùy sinh đều chẳng thể nắm bắt được, vì tất cả pháp tự tánh là không.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, chân như của các pháp nói rộng cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều rất sâu xa. Nghĩa là trong đó, sắc chẳng thể nắm bắt được. Thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng thể nắm bắt được. Chân như của sắc chẳng thể nắm bắt được. Chân như của thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Trong đây, sắc cho đến thức còn chẳng thể nắm bắt được huống chi lại có chân như của sắc cho đến chân như của thức có thể nắm bắt được! Nói rộng cho đến trong đây, trí Nhất thiết đều chẳng thể nắm bắt được; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng thể nắm bắt được. Chân như của trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được; chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Trong đây trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng còn chẳng thể nắm bắt được, huống gì có chân như của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể nắm bắt được!

Phật bảo Xá-lợi Tử:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói!

Khi đang nói về tướng của chân như này, hai ngàn Bí-sô chấm dứt các lậu hoặc, tâm được giải thoát thành bậc A-la-hán. Lại có năm trăm Bí-sô-ni xa lìa trần cầu, ở trong các pháp chứng được Pháp nhẫn tịnh. Năm ngàn Bồ-tát đồng một lúc chứng được Vô sinh pháp nhẫn. Sáu ngàn Bồ-tát chấm dứt các lậu, tâm được giải thoát, chứng quả A-la-hán.

Bấy giờ, Phật bảo Xá-lợi Tử:

–Nay trong chúng này sáu ngàn Bồ-tát đã ở chỗ năm trăm Đức Phật quá khứ, gần gũi cúng dường chánh tín xuất gia, siêng tu phạm hạnh. Tuy có hành Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tinh lự nhưng chẳng hộ trì phuong tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, lại khởi lên tư tưởng khác biệt, tu hành hạnh khác biệt. Khi tu Bố thí lại nghĩ: “Đây là bố thí. Đây là người nhận. Đây là vật thí. Ta năng hành thí.” Khi tu Tịnh giới, nghĩ như vầy: “Đây là tịnh giới. Đây gây ra tội nghiệp. Đây là đối tượng phải hộ trì. Ta năng trì giới.” Khi tu An nhẫn, nghĩ: “Đây là an nhẫn. Đây là chướng của nhẫn. Đây là cảnh giới để nhẫn. Ta có thể nhẫn được.” Khi tu Tinh tấn, nghĩ như vầy: “Đây là tinh tấn. Đây là giải đãi. Đây là việc đã làm. Ta đã tinh tấn.” Khi tu Tinh lự, nghĩ: “Đây là tinh lự. Đây là tán loạn. Đây là đã tu. Ta có thể tu định.” Người ấy chẳng hộ trì phuong tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, chỉ dựa vào tư tưởng khác biệt mà tu hạnh Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tinh lự khác biệt. Do tư tưởng khác biệt, tu hành khác biệt nên chẳng có được sự không có tư tưởng khác biệt của Bồ-tát và đánh mất hạnh không khác biệt của Bồ-tát. Do nguyên nhân này nên chẳng được vào ngôi vị Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát. Do không được nhập vào ngôi vị Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát nên được quả Dự lưu, dần dần cho đến quả A-la-hán. Thế nên Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát nào tuy có đạo của Đại Bồ-tát và có ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, nhưng chẳng hộ trì phuong tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, bèn chứng thật tế thì sẽ rơi vào hàng Thanh văn và bậc Độc giác.

Khi ấy Xá-lợi Tử lại bạch Phật:

–Do nguyên nhân nào mà các Bồ-tát tu pháp Không, Vô tướng,

Vô nguyệt nhưng vì không hộ trì phuong tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nên khi chứng thật tế lại rơi vào hàng Thanh văn, hoặc bậc Độc giác? Lại có Bồ-tát cũng tu pháp Không, Vô tướng, Vô nguyệt nhưng do hộ trì phuong tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nên được nhập vào ngôi Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, lần lượt tu hành các hạnh của Bồ-tát và sẽ chứng được quả vị Giác ngộ cao tột.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá-lợi Tử:

–Nếu các Bồ-tát xa lìa tâm của trí Nhất thiết trí, chẳng lấy đại Bi làm đầu, tu pháp Không, Vô tướng, Vô nguyệt. Do không hộ trì phuong tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa, liền chứng thật tế nên rơi vào hàng Thanh văn, hoặc bậc Độc giác. Nếu các Bồ-tát chẳng lìa tâm của trí Nhất thiết trí, lại lấy đại Bi làm đầu, tu pháp Không, Vô tướng, Vô nguyệt. Nhưng do hộ trì phuong tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, được nhập vào ngôi Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, lần lượt tu hành các hạnh của Bồ-tát thì sẽ chứng được quả vị Giác ngộ cao tột.

Xá-lợi Tử, ví như một con chim, thân nó to lớn chiếm khoảng một trăm du-thiện-na hoặc hai trăm cho đến năm trăm du-thiện-na mà chẳng có cánh. Chim này hoặc từ cung trời Ba mươi ba gieo mình rơi xuống châu Thiệu-m-bộ. Giữa đường rơi, nó nghĩ: “Ta muốn lên lại trời Ba mươi ba.” Ý ông nghĩ sao? Chim này có thể trở lên trời Ba mươi ba chẳng?

Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể! Bạch Thiện Thệ, không thể!

Phật bảo:

–Xá-lợi Tử, nếu giữa đường rơi, chim này mong: “Tôi châu Thiệu-m-bộ sẽ khiến thân ta không tổn hại.” Ý ông nghĩ sao? Ý muốn của chim này có thể toại nguyện chẳng?

Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Bạch Thiện Thệ, không! Khi đến châu Thiệu-m-bộ, thân chim này nhất định có tổn hại, hoặc đến mất mạng, hoặc đau đớn gần chết. Vì sao? Vì thân chim này quá to, lại rơi quá xa mà không có cánh.

Phật bảo:

—Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói! Xá-lợi Tử, có các Bồ-tát cũng lại như thế. Dù đã trải qua vô lượng, vô số đại kiếp siêng tu Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tịnh lự, cũng tu ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyên nhưng chẳng hộ trì phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa, liền chứng thật tế, rơi vào hàng Thanh văn, hoặc bậc Độc giác. Vì sao? Vì các Bồ-tát này xa lìa tâm của trí Nhất thiết trí, chẳng lấy đại Bi làm đầu. Mặc dù đã trải qua vô số, vô lượng đại kiếp, siêng tu Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tịnh lự, cũng tu ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyên nhưng chẳng hộ trì phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa nên rơi vào hàng Thanh văn, hoặc bậc Độc giác. Các Bồ-tát này tuy niệm giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn của chư Phật Thế Tôn trong quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng dường, cung kính, tùy thuận tu hành, nhưng lại chấp giữ tướng trong các pháp ấy, nên không thể hiểu đúng công đức chân thật của giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn của chư Phật Thế Tôn. Vì các Bồ-tát này không thể hiểu đúng công đức của Phật nên tuy nghe đạo của Đại Bồ-tát và lời thuyết pháp về Không, Vô tướng, Vô nguyên rồi dựa vào lời nói này mà chấp lấy tướng của các pháp ấy chấp giữ tướng rồi, hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột. Các Bồ-tát này hồi hướng như vậy nên chẳng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột lại rơi vào hàng Thanh văn, hoặc bậc Độc giác. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì chẳng hộ trì phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nên dù đem các căn lành đã tu được để hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột nhưng các Bồ-tát này vẫn rơi vào hàng Thanh văn và bậc Độc giác.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có những Bồ-tát từ lúc mới phát tâm chẳng lìa trí Nhất thiết trí, chỉ lấy đại Bi làm đầu, siêng tu Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tịnh lự, cũng thường hộ trì phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tuy có niệm giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn của chư Phật Thế Tôn trong quá khứ, hiện tại, vị lai nhưng chẳng chấp tướng; dù tu hành ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyên cũng chẳng chấp tướng; dù nhớ nghĩ các công đức của mình và cùng cho các hữu tình bình đẳng, đồng hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, nhưng cũng chẳng chấp

tướng. Xá-lợi Tử nên biết, Đại Bồ-tát này thảng tối quả vị Giác ngộ cao tột, chẳng rơi vào hàng Thanh văn và bậc Độc giác. Vì sao? Đại Bồ-tát này từ lúc mới phát tâm đến cứu cánh chẳng lìa tâm của trí Nhất thiết trí, thường lấy đại Bi làm đầu, tuy tu hạnh Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tịnh lự nhưng chẳng chấp tướng; tuy niệm giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn của chư Phật Thế Tôn trong quá khứ, hiện tại, vị lai nhưng cũng chấp tướng; tuy tu đạo của Đại Bồ-tát và pháp Không, Vô tướng, Vô nguyên cũng chẳng chấp tướng. Xá-lợi Tử, vì Đại Bồ-tát này có phương tiện thiện xảo, dùng tâm ly tướng tu hành Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, nói rộng cho đến dùng tâm ly tướng tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Do đó, nhất định chứng quả vị Giác ngộ cao tột đã mong cầu.

Khi ấy Xá-lợi Tử liền bạch Phật:

– Theo con hiểu, lời Phật nói có nghĩa là: Đại Bồ-tát nào từ lúc mới phát tâm đến cứu cánh thường hộ trì phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì Đại Bồ-tát ấy sẽ gần quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này lúc mới phát tâm cho đến cứu cánh hoàn toàn không thấy có một chút pháp nào có thể nắm bắt được. Nghĩa là hoặc năng chứng, hoặc sở chứng, hoặc chỗ chứng, hoặc thời gian chứng, hoặc do đây mà chứng hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được. Những pháp được gọi là sắc, hoặc thọ, tướng, hành, thức, nói rộng cho đến trí Nhất thiết tướng đều chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa bạch Thế Tôn, có các thiện nam trụ Bồ-tát thừa không thể hộ trì phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa cầu quả vị Giác ngộ cao tột, phải biết đối với quả vị Giác ngộ cao tột đang mong cầu, vị ấy nghi hoặc, do dự, hoặc đắc hoặc chẳng đắc. Vì sao? Vì các thiện nam trụ Bồ-tát thừa này không thể hộ trì phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, đối với các hạnh đã tu hành như Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tịnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa đều chấp lấy các tướng ấy, nói rộng cho đến đối với các hạnh đã tu như trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều chấp lấy tướng. Do nguyên nhân này, các thiện nam trụ Bồ-tát thừa này đều nghi ngờ, do dự, hoặc chứng, hoặc chẳng chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Thế nên, bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát nào muốn chứng đắc quả vị Giác ngộ cao

tột, quyết định không nên xa lìa phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa. Khi Đại Bồ-tát này an trụ phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa dùng vô sở đắc làm phương tiện, đem tâm tương ứng với vô tướng, để tu Bồ thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, nói rộng cho đến dùng tâm tương ứng với vô tướng để tu trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Khi an trụ phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa, nếu Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, đem tâm tương ứng với vô tướng để tu tất cả Phật pháp như thế, tất chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Bấy giờ, các Thiên tử ở cõi Dục, cõi Sắc đồng bạch Phật:

–quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật rất khó tin hiểu, rất khó chứng đắc. Vì sao? Vì các Đại Bồ-tát đều phải chứng biết tự tướng, cộng tướng của tất cả pháp, mới có thể đạt được quả vị Giác ngộ cao tột như đã mong cầu, mà pháp tướng của các Bồ-tát đều chứng biết không thật có và chẳng thể nắm bắt được?

Khi ấy, Phật bảo các Thiên tử:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói! Quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật rất khó tin hiểu, rất khó chứng đắc. Thiên tử nên biết, Ta cũng đang chứng biết tất cả pháp tướng để chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột mà hoàn toàn chẳng sở đắc thắng nghĩa pháp tướng, có thể nói: Đây là năng chứng, đây là sở chứng, đây là chỗ chứng, đây là thời gian chứng và có thể nói do đây mà chứng. Vì sao? Các Thiên tử, vì tất cả pháp rốt ráo thanh tịnh nên hữu vi hay vô vi rốt ráo đều là không. Do đó, quả vị Giác ngộ cao tột rất khó tin hiểu, rất khó chứng đắc.

Cụ thọ Thiện Hiện bèn thưa:

–Như Thế Tôn nói, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật rất khó tin hiểu, rất khó chứng đắc. Theo con tư duy thì lời Phật nói có nghĩa là: Quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật rất dễ tin hiểu, rất dễ chứng đắc. Vì sao? Vì nếu có thể tin hiểu được, không có pháp năng chứng, không có pháp sở chứng, không có chỗ chứng, không có thời gian chứng, cũng không do đây mà có sở chứng, thì có thể tin hiểu quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật. Nếu có chứng biết, không pháp năng chứng, không pháp sở chứng, không có thời gian chứng, cũng không do đây mà có sở chứng tức là có thể chứng được quả vị Giác ngộ cao tột

núi đã mong cầu. Vì sao? Vì tất cả pháp rốt ráo đều không. Trong chỗ rốt ráo không, hoàn toàn không có pháp có thể gọi là năng chứng, có thể gọi là sở chứng, có thể gọi là chỗ chứng, có thể gọi là thời gian chứng, có thể gọi do đây mà có sở chứng. Vì sao? Vì tánh và tướng của tất cả pháp đều là không, dù tăng hay giảm đều không thật có và hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được. Do nguyên nhân này nên các Đại Bồ-tát đã tu Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đà hoàn toàn không thật có và đều chẳng thể nắm bắt được. Nói rộng cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều không thật có và chẳng thể nắm bắt được. Các Đại Bồ-tát đã quán các pháp, hoặc hữu sắc hoặc vô sắc, hoặc hữu kiến hoặc vô kiến, hoặc hữu đối hoặc vô đối, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi đều hoàn toàn không thật có và chẳng thể nắm bắt được. Do nguyên nhân này, con tư duy nghĩa lý lời Phật đã nói là quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật rất dễ tin hiểu, rất dễ chứng đắc. Ở trong đó, các Đại Bồ-tát chẳng nên bảo rằng khó tin hiểu và khó chứng được. Vì sao? Vì sắc, tự tánh sắc là không. Thọ, tưởng, hành, thức, tự tánh thọ, tưởng, hành, thức là không. Nói rộng cho đến trí Nhất thiết, tự tánh trí Nhất thiết là không. Trí Đạo tướng, tự tánh trí Đạo tướng là không. Trí Nhất thiết tướng, tự tánh trí Nhất thiết tướng là không. Đối với nghĩa “Tự tánh không” này, nếu Đại Bồ-tát tin hiểu sâu xa, không trái ngược mà chứng, thì liền đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Do nghĩa này, con nói quả vị Giác ngộ cao tột chẳng khó tin hiểu, chẳng khó chứng đắc.

Khi ấy Xá-lợi Tử bảo Thiện Hiện:

–Cũng do nguyên nhân này mà quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thật khó tin hiểu, khó chứng đắc. Vì sao? Vì các Đại Bồ-tát quán tất cả pháp hoàn toàn không tự tánh, đều như hư không. Ví như hư không chẳng nghĩ: “Ta sẽ tin hiểu, chứng được quả vị Giác ngộ cao tột.” Các Đại Bồ-tát cũng như vậy, chẳng nghĩ: “Ta sẽ tin hiểu, chứng được quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì tánh tướng tất cả pháp đều là không, bình đẳng như hư không.” Các Đại Bồ-tát cần phải tin hiểu: các pháp đều là không và bình đẳng như hư không, không trái ngược mà chứng, mới đạt được quả vị Giác ngộ cao tột. Đại Bồ-tát nào tin hiểu các pháp với hư không bình đẳng thì dễ sinh tin hiểu, dễ chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thì không có hằng hà sa số Đại Bồ-tát khoác áo

giáp Đại công đức hướng tới quả vị Giác ngộ cao tột nhưng mới nửa chừng lại thoái lui. Nên biết quả vị Giác ngộ cao tột rất khó tin hiểu, khó chứng đắc.

Xá-lợi Tử nói:

–Ý ông nghĩ sao? Sắc có thoái thất đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật không?

Xá-lợi Tử nói:

–Thiện Hiện, chẳng có.

–Ý ông nghĩ sao? Thọ, tưởng, hành, thức có thoái thất đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật chẳng?

Xá-lợi Tử nói:

–Thiện Hiện, chẳng có.

–Ý ông nghĩ sao? Lìa sắc, có pháp đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật có thoái thất chẳng?

Xá-lợi Tử nói:

–Thiện Hiện, chẳng có.

–Ý ông nghĩ sao? Lìa thọ, tưởng, hành, thức, có pháp đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật có thoái thất chẳng?

Xá-lợi Tử nói:

–Thiện Hiện, chẳng có.

–Ý ông nghĩ sao? Chân như của sắc đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật có thoái thất chẳng?

Xá-lợi Tử nói:

–Thiện Hiện, chẳng có.

–Ý ông nghĩ sao? Chân như của thọ, tưởng, hành, thức đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật có thoái thất chẳng?

Xá-lợi Tử nói:

–Thiện Hiện, chẳng có.

–Ý ông nghĩ sao? Lìa chân như của sắc, có pháp đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật có thoái thất chẳng?

Xá-lợi Tử nói:

–Thiện Hiện, chẳng có.

–Ý ông nghĩ sao? Lìa chân như của thọ, tưởng, hành, thức, có pháp đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật có thoái thất chẳng?

Xá-lợi Tử nói:

–Thiện Hiện, chẳng có.

–Ý ông nghĩ sao? Nếu nói rộng cho đến trí Nhất thiết đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật có thoái thất chăng?

Xá-lợi Tử nói:

–Thiện Hiện, chẳng có.

–Ý ông nghĩ sao? Trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật có thoái thất chăng?

Xá-lợi Tử nói:

–Thiện Hiện, chẳng có.

–Ý ông nghĩ sao? Nếu lìa trí Nhất thiết, có pháp đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật có thoái thất chăng?

Xá-lợi Tử nói:

–Thiện Hiện, chẳng có.

–Ý ông nghĩ sao? Lìa trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, có pháp đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật có thoái thất chăng?

Xá-lợi Tử nói:

–Thiện Hiện, chẳng có.

–Ý ông nghĩ sao? Chân như của trí Nhất thiết đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật có thoái thất chăng?

Xá-lợi Tử nói:

–Thiện Hiện, chẳng có.

–Ý ông nghĩ sao? Chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật có thoái thất chăng?

Xá-lợi Tử nói:

–Thiện Hiện, chẳng có.

–Ý ông nghĩ sao? Nếu lìa chân như của trí Nhất thiết, có pháp đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật có thoái thất chăng?

Xá-lợi Tử nói:

–Thiện Hiện, chẳng có.

–Ý ông nghĩ sao? Lìa chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, có pháp đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật có thoái thất chăng?

Xá-lợi Tử nói:

–Thiện Hiện, chẳng có.

–Lại nữa Xá-lợi Tử, ý ông nghĩ sao? Chân như của các pháp nói

rộng cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đối với quả vị Giác ngộ cao tột có thoái thất chăng?

Xá-lợi Tử nói:

– Thiện Hiện, chẳng có.

– Ý ông nghĩ sao? Lìa chân như các pháp nói rộng cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, có pháp đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật có thoái thất chăng?

Xá-lợi Tử nói:

– Thiện Hiện, chẳng có.

Khi ấy Cụ thọ Thiện Hiện bảo Xá-lợi Tử:

– Nếu tất cả pháp vì chắc thật, vì an trụ nên hoàn toàn không thật có và đều chẳng thể nắm bắt được, thì những pháp nào có thể có sự thoái thất đối với quả vị Giác ngộ cao tột?

Xá-lợi Tử nói với Thiện Hiện:

– Như lời Tôn giả nói, trong Vô sinh pháp nhẫn hoàn toàn không thật có, cũng không có Bồ-tát nói có thoái thất đối với quả vị Giác ngộ cao tột. Nếu vậy, tại sao Phật nói có ba hạng người trụ Bồ-tát thừa, đúng ra chỉ nên nói một? Lại như Tôn giả nói, lẽ ra không có ba thừa Bồ-tát sai khác, chỉ nên có một thừa Chánh đẳng giác thôi.

Khi ấy Mân Từ Tử liền thưa Cụ thọ Xá-lợi Tử:

– Hãy hỏi Thiện Hiện rằng: “Chỉ cần một Bồ-tát thừa chăng?” Sau đó hỏi tiếp: “Cần gì phải thành lập cả ba thừa khác nhau hay chỉ cần có một thừa Chánh đẳng giác mà thôi?”

Bấy giờ Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

– Chỉ cần một Bồ-tát thừa có chăng?

Cụ thọ Thiện Hiện bảo Xá-lợi Tử:

– Ý ông nghĩ sao? Trong chân như của tất cả pháp có ba hạng người trụ Bồ-tát thừa với tướng khác nhau chăng? Nghĩa là có người rời vào hàng Thanh văn thừa, hoặc có người rời vào bậc Độc giác, hoặc có người chứng quả Vô thượng thừa ư?

Xá-lợi Tử nói:

– Thiện Hiện, chẳng có.

– Ý ông nghĩ sao? Trong chân như của tất cả pháp có ba thừa khác nhau của Bồ-tát chăng?

Xá-lợi Tử nói:

–Thiện Hiện, chẳng có.

–Ý ông nghĩ sao? Trong chân như của tất cả pháp thật có một thừa Chánh đẳng giác của các Bồ-tát chẳng?

Xá-lợi Tử nói:

–Thiện Hiện, chẳng có.

–Ý ông nghĩ sao? Chân như của các pháp có một hay có hai hay có ba tướng chẳng?

Xá-lợi Tử nói:

–Thiện Hiện, chẳng có.

–Ý ông nghĩ sao? Trong chân như của tất cả pháp phải có một pháp hay một Bồ-tát có thể nắm bắt được chẳng?

Xá-lợi Tử nói:

–Thiện Hiện, chẳng có.

Khi ấy Cụ thọ Thiện Hiện nói với Xá-lợi Tử:

–Nếu tất cả pháp là chắc thật, là an trụ, hoàn toàn không thật có và chẳng thể nắm bắt được thì tại sao Xá-lợi Tử lại khởi lên ý nghĩ: “Đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật, Bồ-tát này nhất định có thoái thất hay đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật, Bồ-tát này nhất định không có thoái thất? Đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật, Bồ-tát này nói chẳng quyết định. Như vậy, Bồ-tát này là Thanh văn thừa hay Bồ-tát này là Độc giác thừa hay Bồ-tát này là Vô thượng thừa? Như vậy là ba hay là một?” Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát hoàn toàn vô sở đắc đối với tất cả pháp, đối với chân như của tất cả pháp, cũng tin hiểu hoàn toàn là chúng đều vô sở đắc, đối với các Bồ-tát cũng vô sở đắc, đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật cũng vô sở đắc, phải biết như thế mới thật là Đại Bồ-tát. Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát này nghe thuyết tướng chân như của các pháp chẳng thể nắm bắt được mà tâm chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng hoảng hốt, không nghi, không hối, không lui, không mất thì Đại Bồ-tát này mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, nửa chừng nhất định không thoái lui.

Bấy giờ Thế Tôn ngợi khen Thiện Hiện:

–Hay thay, hay thay! Hôm nay ông đã vì các Đại Bồ-tát thuyết pháp trọng yếu. Những điều ông nói đều là sức oai thần của Như Lai. Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát nào tin hiểu sâu sắc đối với tướng chẳng thể nắm bắt được của chân như các pháp và biết được tất cả

pháp không có tướng khác nhau. Khi nghe thuyết về tướng chẳng thể nắm bắt được của chân như các pháp như thế, tâm vị ấy chẳng kinh, chẳng sơ, chẳng hoảng hốt, không nghi, không hối, không lui, không mất thì Đại Bồ-tát ấy mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Bấy giờ Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát thành tựu pháp này thì mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột ư?

Phật bảo Xá-lợi Tử:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói! Nếu Đại Bồ-tát thành tựu pháp này thì mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, không rơi vào hàng Thanh văn và bậc Độc giác.

Bấy giờ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Nếu Đại Bồ-tát muốn mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột đã mong cầu thì phải trụ vào cái gì và trụ bằng cách nào?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát muốn mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột phải trụ tâm bình đẳng đối với tất cả hữu tình, không nên trụ tâm bất bình đẳng; phải khởi tâm bình đẳng đối với tất cả hữu tình, không nên khởi tâm bất bình đẳng; phải đem tâm bình đẳng nói với tất cả hữu tình, không nên đem tâm bất bình đẳng nói với họ; phải khởi tâm đại Từ đối với tất cả hữu tình, không nên khởi tâm sân giận đối với họ; phải đem tâm đại Từ mà nói với tất cả hữu tình, không nên đem tâm sân giận mà nói với họ; phải khởi tâm đại Bi đối với tất cả hữu tình, không nên khởi tâm não hại đối với họ; phải đem tâm Từ bi mà nói với tất cả hữu tình, không nên đem tâm não hại mà nói với họ; phải khởi tâm đại Hỷ đối với tất cả hữu tình, không nên khởi tâm đố kỵ đối với họ; phải đem tâm đại Hỷ mà nói với tất cả hữu tình, không nên đem tâm đố kỵ mà nói với họ; phải khởi tâm đại Xả đối với tất cả hữu tình, không nên khởi tâm thiền vị đối với họ; phải đem tâm đại Xả mà nói với tất cả hữu tình, không nên đem tâm thiền vị mà nói với họ; phải khởi tâm cung kính đối với tất cả hữu tình, không nên khởi tâm kiêu ngạo đối với họ; phải đem tâm cung kính mà nói với tất cả hữu tình, không nên đem tâm kiêu ngạo mà nói với họ; phải khởi tâm chân thật đối với tất cả hữu tình, không nên khởi tâm dối nịnh đối với họ; phải đem tâm chân thật mà nói với tất cả hữu tình, không nên đem tâm

dối nịnh mà nói với họ; phải khởi tâm dịu dàng đối với tất cả hữu tình không nên khởi tâm cứng cỏi đối với họ; phải đem tâm dịu dàng mà nói với tất cả hữu tình, không nên đem tâm cứng cỏi mà nói với họ; phải khởi tâm làm lợi ích cho tất cả hữu tình, không nên khởi tâm bất lợi đối với họ; phải đem tâm lợi ích mà nói với các hữu tình, không nên đem tâm bất lợi mà nói với họ; phải khởi tâm an lạc đối với tất cả hữu tình, không nên khởi tâm chẳng an lạc đối với họ; phải đem tâm an lạc mà nói với tất cả hữu tình, không nên đem tâm chẳng an lạc mà nói với họ; phải khởi tâm không trở ngại đối với tất cả hữu tình, không nên khởi tâm có trở ngại đối với họ; phải đem tâm không trở ngại mà nói với tất cả hữu tình, không nên đem tâm có trở ngại mà nói với họ. Đối với tất cả hữu tình, phải khởi tâm như cha mẹ, như anh em, như chị em, như con trai, con gái, như bà con thân thuộc, cũng đem tâm này mà nói cho họ. Phải khởi tâm bạn bè đối với tất cả hữu tình, cũng đem tâm này mà nói với họ. Đối với tất cả hữu tình, phải khởi tâm như Hòa thượng, như A-xà-lê, như đệ tử, như đồng học, cũng đem tâm này mà nói cho họ. Đối với tất cả hữu tình, phải khởi tâm như bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Đại Bồ-tát, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, cũng nên đem tâm này mà nói với họ. Đối với tất cả hữu tình, phải khởi tâm nên cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen, cũng nên đem tâm này mà nói với họ. Đối với tất cả hữu tình, phải khởi tâm nên cứu giúp thương xót bảo bọc, cũng nên đem tâm này mà nói với họ. Đối với tất cả hữu tình, phải khởi tâm rốt ráo không, không thật có và chẳng thể nắm bắt được, cũng đem tâm này mà nói với họ. Đối với tất cả hữu tình, phải khởi tâm Không, Vô tướng, Vô nguyên, cũng nên đem tâm này mà nói với họ.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào muốn mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột phải dùng vô sở đắc làm phương tiện mà trụ nơi đây.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào muốn mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột nên tự xa lìa sự giết hại sinh mạng, cũng khuyên người khác xa lìa giết hại sinh mạng, thường chân chánh khen ngợi pháp xa lìa sự giết hại sinh mạng, hoan hỷ tán thán người xa lìa sự giết hại sinh mạng. Nói rộng cho đến nên tự xa lìa tà kiến, cũng khuyên người khác xa lìa tà kiến, thường chân chánh khen ngợi sự xa lìa tà kiến, hoan hỷ tán thán người xa lìa tà kiến. Nên tự tu bốn Tịnh lự, bốn

Vô lượng và bốn Định vô sắc, cũng khuyên người khác tu bốn Tịnh lự, bốn Vô lượng và bốn Định vô sắc, thường chán chánh khen ngợi pháp tu bốn Tịnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, hoan hỷ tán thán người tu bốn Tịnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Nên tự viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, khuyên người khác viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, thường chán chánh khen ngợi pháp viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoan hỷ tán thán người đã viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Phải tự an trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, cũng khuyên người khác an trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, thường chán chánh khen ngợi pháp an trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, hoan hỷ tán thán người an trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Phải tự trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, cũng khuyên người khác trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, thường chán chánh khen ngợi pháp trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, hoan hỷ tán thán người trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Phải tự trụ bốn Thánh đế, cũng khuyên người khác trụ bốn Thánh đế, thường chán chánh khen ngợi pháp trụ bốn Thánh đế, hoan hỷ tán thán người trụ bốn Thánh đế.

Phải tự tu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, cũng khuyên người khác tu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, thường chán chánh khen ngợi pháp tu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, hoan hỷ tán thán người tu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo.

Phải tự tu ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyệt, cũng khuyên người khác tu ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyệt, thường chán chánh khen ngợi pháp tu ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyệt và hoan hỷ tán thán người tu ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyệt.

Phải tự tu tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ, cũng khuyên người khác tu tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ, thường chán chánh khen ngợi pháp tu tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ và hoan

hỷ tán thán người tu túm Giải thoát cho đến mười Biển xứ.

Phải tự viên mãn các bậc Bồ-tát, cũng khuyên người khác viên mãn các bậc Bồ-tát, thường chân chánh khen ngợi pháp viên mãn các bậc Bồ-tát và hoan hỷ tán thán người đã viên mãn các bậc Bồ-tát.

Phải tự viên mãn tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, cũng khuyên người khác viên mãn tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, thường chân chánh khen ngợi pháp viên mãn tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa và hoan hỷ tán thán người đã viên mãn tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Phải tự viên mãn năm loại mắt, sáu phép thần thông, cũng khuyên người khác viên mãn năm loại mắt, sáu phép thần thông, thường chân chánh khen ngợi pháp viên mãn năm loại mắt sáu phép thần thông và hoan hỷ tán thán người đã viên mãn năm loại mắt, sáu phép thần thông.

Phải tự viên mãn mươi lực của Như Lai cho đến mươi túm pháp Phật bất cộng, cũng khuyên người khác viên mãn mươi lực của Như Lai cho đến mươi túm pháp Phật bất cộng, thường chân chánh khen ngợi pháp viên mãn mươi lực của Như Lai cho đến mươi túm pháp Phật bất cộng và hoan hỷ tán thán người đã viên mãn mươi lực của Như Lai cho đến mươi túm pháp Phật bất cộng.

Phải tự viên mãn đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, cũng khuyên người khác viên mãn đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, thường chân chánh khen ngợi pháp làm viên mãn đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả và hoan hỷ tán thán người đã viên mãn đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả.

Phải tự viên mãn ba mươi hai tướng Đại sĩ, túm mươi vẻ đẹp, cũng khuyên người khác viên mãn ba mươi hai tướng Đại sĩ, túm mươi vẻ đẹp, thường chân chánh khen ngợi pháp làm viên mãn ba mươi hai tướng Đại sĩ, túm mươi vẻ đẹp và hoan hỷ tán thán người đã viên mãn ba mươi hai tướng Đại sĩ, túm mươi vẻ đẹp.

Phải tự viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, cũng khuyên người khác viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, thường chân chánh khen ngợi pháp làm viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả và hoan hỷ tán thán người đã viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả.

Phải tự quán thuận nghịch mươi hai chi duyên khởi, cũng khuyên người khác quán thuận nghịch mươi hai chi duyên khởi, thường chân chánh khen ngợi pháp quán thuận nghịch mươi hai chi duyên khởi và hoan hỷ tán thán người quán thuận nghịch mươi hai chi duyên khởi.

Phải tự biết khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, cũng khuyên người khác tự biết khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, thường chân chánh khen ngợi pháp biết khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo và hoan hỷ tán thán người biết khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo.

Phải tự khởi trí chứng quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề tuy đắc quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề mà chẳng trầm không trệ tịch, cũng khuyên người khác khởi trí chứng quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề và tuy chứng quả Dự lưu cho đến Độc giác mà chẳng trầm không trệ tịch, thường chân chánh khen ngợi pháp khởi trí chứng quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề và tuy chứng pháp đắc quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề mà chẳng trầm không trệ tịch, hoan hỷ tán thán người khởi trí chứng quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề và tuy chứng quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề mà chẳng trầm không trệ tịch.

Phải tự vào ngôi vị Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, cũng khuyên người khác vào ngôi vị Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, thường chân chánh khen ngợi pháp vào ngôi vị Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát và hoan hỷ tán thán người đã vào ngôi vị Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát.



KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYẾN 514

Phẩm 19: CHÂN NHƯ (2)

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát muốn mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột đã mong cầu, phải tự đem lại sự thành tựu cho hữu tình, cũng khuyên người khác đem lại sự thành tựu cho hữu tình, thường chân thành khen ngợi pháp đem lại sự thành tựu cho hữu tình và hoan hỷ tán thán người đã đem lại sự thành tựu cho hữu tình.

Phải tự làm nghiêm tịnh cõi Phật, cũng khuyên người khác làm nghiêm tịnh cõi Phật, thường chân thành khen ngợi pháp làm nghiêm tịnh cõi Phật và hoan hỷ tán thán người đã làm nghiêm tịnh cõi Phật.

Phải tự phát khởi thân thông thù thắng của Bồ-tát, cũng khuyên người khác phát khởi thân thông thù thắng của Bồ-tát, thường chân thành khen ngợi pháp phát khởi thân thông thù thắng của Bồ-tát và hoan hỷ tán thán người phát khởi thân thông thù thắng của Bồ-tát.

Phải tự phát khởi trí Nhất thiết, cũng khuyên người khác phát khởi trí Nhất thiết, thường chân thành khen ngợi pháp làm phát khởi trí Nhất thiết và hoan hỷ tán thán người phát khởi trí Nhất thiết.

Phải tự phát khởi trí Đạo tướng, cũng khuyên người khác phát khởi trí Đạo tướng, thường chân thành khen ngợi pháp phát khởi trí Đạo tướng và hoan hỷ tán thán người phát khởi trí Đạo tướng.

Phải tự phát khởi trí Nhất thiết tướng, cũng khuyên người khác phát khởi trí Nhất thiết tướng, thường chân thành khen ngợi pháp làm phát khởi trí Nhất thiết tướng và hoan hỷ tán thán người phát khởi trí Nhất thiết tướng.

Phải tự chấm dứt tất cả tập khí tương tục của phiền não, cũng khuyên người khác chấm dứt tất cả tập khí tương tục của phiền não, thường chân thành khen ngợi pháp chấm dứt tập khí tương tục của

phiền não và hoan hỷ tán thán người đã chấm dứt tất cả tập khí tương tục của phiền não.

Phải tự giữ gìn trọng vẹn tuổi thọ, cũng khuyên người khác giữ gìn trọng vẹn tuổi thọ, thường chân thành khen ngợi pháp giữ gìn trọng vẹn tuổi thọ và hoan hỷ tán thán người giữ gìn trọng vẹn tuổi thọ.

Phải tự truyền bá giáo pháp vi diệu, cũng khuyên người khác truyền bá giáo pháp vi diệu, thường chân thành khen ngợi phương pháp truyền bá giáo pháp vi diệu và hoan hỷ tán thán người truyền bá giáo pháp vi diệu.

Phải tự giữ gìn chánh pháp cho tồn tại, cũng khuyên người khác giữ gìn chánh pháp cho tồn tại, thường chân thành khen ngợi phương pháp giữ gìn chánh pháp được tồn tại và hoan hỷ tán thán người giữ gìn chánh pháp cho tồn tại.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào muốn mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột phải dùng vô sở đắc làm phương tiện và phải trụ như vậy đối với những pháp như vậy.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát phải học phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy. Nếu Đại Bồ-tát học như vậy thì mới có thể trụ được pháp cần phải trụ. Nếu học như thế và an trụ pháp như thế thì không còn chướng ngại đối với năm uẩn; cũng không còn chướng ngại đối với sáu xứ bên trong; cũng không còn chướng ngại đối với sáu xứ bên ngoài; cũng không còn chướng ngại đối với sáu giới bên trong; cũng không còn chướng ngại đối với sáu giới bên ngoài; cũng không còn chướng ngại đối với sáu thức giới; cũng không còn chướng ngại đối với sáu xúc; cũng không còn chướng ngại đối với sáu thọ; cũng không còn chướng ngại đối với sáu giới; cũng không còn chướng ngại đối với bốn duyên; cũng không còn chướng ngại đối với vô minh cho đến lão tử; cũng không còn chướng ngại đối với sự xa lìa việc giết hại sinh mạng cho đến tà kiến; cũng không còn chướng ngại đối với bốn Tịnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; cũng không còn chướng ngại đối với Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; cũng không còn chướng ngại đối với pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; cũng không còn chướng ngại đối với chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cũng không còn chướng ngại đối với bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; cũng không còn chướng ngại đối với

bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; cũng không còn chướng ngại đối với ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; cũng không còn chướng ngại đối với với tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; cũng không còn chướng ngại đối với bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; cũng không còn chướng ngại đối với bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; cũng không còn chướng ngại đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; cũng không còn chướng ngại đối với năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng không còn chướng ngại đối với mươi lực của Như Lai cho đến mươi tám pháp Phật bất cộng; cũng không còn chướng ngại đối với đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả; cũng không còn chướng ngại đối với ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi vẻ đẹp; cũng không còn chướng ngại đối với pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng không còn chướng ngại đối với việc quán mươi hai chi duyên khởi thuận nghịch; cũng không còn chướng ngại đối với sự biết Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt, tu Đạo; cũng không còn chướng ngại đối với quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; cũng không còn chướng ngại đối với ngôi vị Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát; cũng không còn chướng ngại đối với việc đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật và phát khởi thần thông thù thắng của Bồ-tát; cũng không còn chướng ngại đối với trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng không còn chướng ngại đối với sự chấm dứt tất cả tập khí tướng tục của phiền não; cũng không còn chướng ngại đối với sự trọn vẹn tuổi thọ; cũng không còn chướng ngại đối với việc truyền bá giáo pháp vi diệu; cũng không còn chướng ngại đối với việc hộ trì chánh pháp cửu trụ.

Vì sao vậy? Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này từ xưa đến nay không hộ trì sắc uẩn cho đến thức uẩn; không hộ trì nhãn xứ cho đến ý xứ; không hộ trì sắc xứ cho đến pháp xứ; không hộ trì nhãn giới cho đến ý giới; không hộ trì sắc giới cho đến pháp giới; không hộ trì nhãn thức giới cho đến ý thức giới; không hộ trì nhãn xúc cho đến ý xúc; không hộ trì các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; không hộ trì địa giới cho đến thức giới; không hộ trì nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; không hộ trì vô minh cho đến lão tử; không hộ trì việc xa lìa sát hại sinh mạng cho đến tà kiến; không hộ trì bốn Tịnh lự, bốn Vô lượng tâm, bốn Định vô sắc; không

hộ trì Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; không hộ trì pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; không hộ trì chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; không hộ trì bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; không hộ trì bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; không hộ trì ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyên; không hộ trì tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; không hộ trì bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; không hộ trì bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; không hộ trì tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; không hộ trì năm loại mắt, sáu phép thần thông; không hộ trì mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; không hộ trì đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả; không hộ trì ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp; không hộ trì pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; không hộ trì mươi hai chi duyên khởi; không hộ trì sự biết Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt, tu Đạo; không hộ trì quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; không hộ trì việc nhập vào ngôi Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát; không hộ trì việc đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; không hộ trì thần thông thù thắng của Bồ-tát; không hộ trì sự chấm dứt tất cả tập khí tương tục của phiền não; không hộ trì sự viên mãn của tuối thọ; không hộ trì việc truyền bá chánh pháp làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài; không hộ trì trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Vì sắc uẩn cho đến thức uẩn không thể hộ trì.

Nếu không thể hộ trì thì chẳng phải là sắc uẩn cho đến thức uẩn. Nói rộng cho đến trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không thể hộ trì. Nếu không thể hộ trì, thì chẳng phải trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Khi nói về chỗ nêu trụ của Đại Bồ-tát này, trong chúng hội có hai ngàn Bồ-tát đồng thời chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn.

**
*

Phẩm 20: TUỐNG KHÔNG THOÁI (1)

Bấy giờ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Chúng con phải dựa vào tướng trạng của hành động nào mới biết được Đại Bồ-tát không thoái chuyển này?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát có thể biết rõ như thật hoặc hàng phàm phu; hoặc bậc Thanh văn; hoặc bậc Độc giác; hoặc bậc Bồ-tát; hoặc bậc Như Lai; các bậc như thế tuy nói có khác nhưng trong tánh chân như của các pháp không biến đổi, không phân biệt, không hai, không hai phần.

Đại Bồ-tát này tuy thật ngộ nhập vào chân như của các pháp nhưng đối với chân như không có sự phân biệt vì lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Đại Bồ-tát này đã ngộ nhập chân như của các pháp nên dù nghe chân như và tất cả pháp không hai không khác mà tâm không ngại. Vì sao? Vì chân như và pháp không thể nói là một, không thể nói là khác, không thể nói là đồng hay không đồng.

Đại Bồ-tát này không bao giờ coi nhẹ điều này mà phát ra lời nói. Nếu có nói lời gì đều đem lại lợi ích và ý nghĩa. Nếu không có nghĩa và lợi ích quyết không nói ra.

Đại Bồ-tát này hoàn toàn không xem chõ tốt xấu hay dở của người, bình đẳng thương xót và vì họ thuyết pháp.

Đại Bồ-tát này chẳng xem chủng tánh sang hèn của Pháp sư, chỉ cầu thuyết được pháp nghĩa chân tịnh.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát không thoái chuyển đều có những hành động như vậy. Vì có những hành động này nên biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Lại do các tướng trạng của hành động nào mà biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát có thể quán các pháp không có tướng trạng hành động thì phải biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Bấy giờ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Nếu tất cả pháp không có tướng trạng hành động thì chuyển pháp nào mà được gọi là không thoái chuyển?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, Đại Bồ-tát chuyển sắc uẩn cho đến thức uẩn nén

gọi là không thoái chuyển. Chuyển nhãm xứ cho đến ý xứ nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển sắc xứ cho đến pháp xứ nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển nhãm giới cho đến ý giới nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển sắc giới cho đến pháp giới nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển nhãm thức giới cho đến ý thức giới nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển nhãm xúc cho đến ý xúc nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển các thọ do nhãm xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển địa giới cho đến thức giới nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển nhân duyên cho đến tăng thượng duyên nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển vô minh cho đến lão tử nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển bốn Tịnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyệt nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển năm loại mắt cho đến sáu phép thần thông nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển mươi lực của Như Lai cho đến mươi tám pháp Phật bất cộng nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi vẻ đẹp nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển hàng phàm phu, bậc Thanh văn, hoặc bậc Độc giác, hoặc bậc Bồ-tát, hoặc bậc Như Lai nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển các hạnh của Đại Bồ-

tát nên gọi là không thoái chuyển. Chuyển quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật nên gọi là không thoái chuyển.

Vì sao? Vì tự tính của sắc là không thật có cho đến tự tính của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật cũng không thật có. Vì Đại Bồ-tát này chẳng trụ trong các pháp kể trên, nên được gọi là không thoái chuyển. Nếu Đại Bồ-tát có thể biết được như vậy thì được gọi là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển đều chẳng muốn xem hình tướng và lời nói của Sa-môn, ngoại đạo, Bà-la-môn... dù các Sa-môn, Bà-la-môn ấy đã biết một cách đúng đắn và thấy một cách chân thật đối với pháp đã thấy, hoặc có thể thi thiết pháp môn chánh kiến nhất định không có lẽ ấy. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành động như vậy thì biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, đối với Pháp và Luật mà Đức Phật đã thuyết một cách hoàn hảo, tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển đều tin hiểu sâu xa, chẳng sinh nghi ngờ. Đối với các việc thế gian không có giới cấm thủ, chẳng rơi vào tà kiến, chẳng chấp các điềm lành của thế tục lấy làm thanh tịnh, hoàn toàn không lẽ bái các Thiên thần khác, như việc phụng thờ của hàng ngoại đạo và thế gian, cũng chẳng đem các thứ tràng hoa, hương bột, hương xoa, y phục, chuỗi anh lạc, tràng phan, bảo cái, kỹ nhạc, đèn sáng để cúng dường Thiên thần và các ngoại đạo. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành động như vậy thì đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát không thoái chuyển không rơi vào địa ngục, bàng sinh, quỷ giới, A-tố-lạc, cũng chẳng sinh vào dòng hạ tiện, nghĩa là hàng Chiêm-đồ-la bổ-yết-sa, chắc chắn không thọ báo sinh làm hoàng môn, không căn hoặc hai căn và thân người nữ, cũng chẳng thọ thân mù, điếc, câm ngọng, cùi, cụt tay chân, hủi lác, lùn xấu, gù lưng... chắc chắn không sinh vào chỗ có tám nạn xứ. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành động như thế thì biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển thường muốn thực hành mười nẻo nghiệp thiện: Tự xa lìa sự giết hại sinh mạng cho đến tà kiến, cũng khuyên người khác xa lìa sự giết hại

sinh mạng cho đến tà kiến, thường chân thành khen ngợi pháp xa lìa giết hại sinh mạng cho đến tà kiến, hoan hỷ khen ngợi người xa lìa giết hại sinh mạng cho đến tà kiến. Cho đến trong giấc mộng, Đại Bồ-tát này cũng chẳng biểu hiện hành động thuộc mười nghiệp ác, huống chi lúc tỉnh giác hành động các việc này. Nếu các Đại Bồ-tát thành tựu các hành động như thế thì biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển vì lợi ích khắp tất cả hữu tình dùng vô sở đắc làm phương tiện, thường tu Bồ thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, thường không có sự lười bỎ. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành động như vậy thì biết đây là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển đã thọ trì, tư duy, đọc tụng được bao nhiêu Khế kinh cho đến Luận nghị tất cả đều được thông hiểu rõ ráo, rồi thường đem pháp này bố thí cho tất cả hữu tình, với ý nghĩ: “Phải làm thế nào để những lời phát nguyện và những mong cầu chân chánh của các loài hữu tình đều được thành tựu trọn vẹn.”

Lại đem căn lành pháp thí này cho các hữu tình một cách bình đẳng, cùng lấy vô sở đắc làm phương tiện, hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành động như thế thì biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển hoàn toàn không có niệm nghi ngờ do dự đối với pháp môn sâu xa mà Đức Phật đã thuyết.

Cụ thọ Thiện Hiện liền bạch Phật:

–Do nguyên nhân nào mà Đại Bồ-tát không thoái chuyển hoàn toàn không có niệm nghi ngờ, do dự đối với pháp môn sâu xa mà Đức Phật đã thuyết?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển đều hoàn toàn chẳng thấy có pháp nào có thể nghi ngờ do dự. Nghĩa là chẳng thấy có sắc uẩn cho đến thức uẩn; cũng chẳng thấy có nhãn xứ cho đến ý xứ; cũng chẳng thấy có sắc xứ cho đến pháp xứ; cũng chẳng thấy có nhãn giới cho đến ý giới; cũng chẳng thấy sắc giới cho đến pháp giới;

cũng chẳng thấy có nhãm thức giới cho đến ý thức giới; cũng chẳng thấy có nhãm xúc cho đến ý xúc; chẳng thấy có các thọ do nhãm xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng thấy có địa giới cho đến thức giới; chẳng thấy có nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; chẳng thấy có vô minh cho đến lão tử; chẳng thấy có Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng thấy có pháp không bên trong cho đến pháp không tánh tự tánh; chẳng thấy có chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng thấy có bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; chẳng thấy có bốn Tịnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng thấy có bốn Niệm trụ cho đến tám Thánh đạo; chẳng thấy có ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; chẳng thấy có tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; chẳng thấy có bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; chẳng thấy có bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; chẳng thấy có tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chẳng thấy có năm loại mắt, sáu phép thần thông; chẳng thấy có mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng thấy có đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả; chẳng thấy có ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi vẻ đẹp; chẳng thấy có pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng chẳng thấy có trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng chẳng thấy có quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; cũng chẳng thấy tất cả hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật. Trong số ấy không có pháp nào có thể nghi ngờ do dự. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu trọn vẹn các hành động như thế, thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát thành tựu nghiệp thân, khẩu, ý dịu dàng, dễ ưa, dễ mến. Đối với các hữu tình, tâm không hạn ngại. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành động như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển thường thành tựu Từ, Bi, Hỷ, Xả... tương ứng thân, khẩu, ý nghiệp để làm việc lợi lạc cho các hữu tình. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành động như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tâm của tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển không cùng với năm triền cái ở chung. Năm triền cái là tham dục, sân giận, hờn trầm thùy miên, ố tắc trạo cử, nghi. Nếu Đại Bồ-tát

thành tựu các hành động như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển đều đã bẻ gãy tất cả tùy miên. Tất cả tùy phiền não trói buộc đều vĩnh viễn không phát sinh. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành động như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát ra vào qua lại, tâm chẳng mê lâm, luôn luôn an trụ chánh niệm tinh giác, oai nghi tấn chỉ, đi, đứng, nằm, ngồi, hạ chân cất bước cũng đều như thế, đạo đi chỗ nào phải xem xét nơi ấy, niêm niệm thong thả, nhìn thẳng mà bước, cử chỉ và lời nói không thô tháo. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành động như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, những vật dụng của các Đại Bồ-tát không thoái chuyển như đồ nằm, y phục luôn luôn thơm sạch, không có các mùi hôi, cũng không mồ hôi, chí rận, bọ chét, tâm ưa sạch đẹp, thân không tật bệnh. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành động như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển, thân tâm thanh tịnh chẳng phải như trong thân người thường luôn bị tám vạn trùng rúc rỉa. Vì sao? Vì căn lành của các Bồ-tát này tăng lên, vượt khỏi thân hình đã thọ ở thế gian, trong ngoài sạch sẽ, nên không có các loại trùng rúc rỉa nơi thân. Căn lành dần dần tăng thêm, cứ như vậy thân tâm càng thanh tịnh. Do yếu tố này, thân tâm các Bồ-tát ấy bền chắc như kim cang chẳng bị các nghịch duyên phá hại. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành động như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Các Đại Bồ-tát không thoái chuyển này làm thế nào để thân, ngữ, ý thường được thanh tịnh.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, các căn lành như thế của Đại Bồ-tát này dần dần tăng trưởng như vậy. Vì được năng lực của các căn lành điều khiển nên đến tận cùng đời vị lai, nghiệp của thân, ngữ, ý hoàn toàn không phát khởi. Do vậy, thân, ngữ, ý thường được thanh tịnh.

Lại nữa Thiện Hiện, ba diệu hạnh về thân, bốn diệu hạnh về

miệng và ba diệu hạnh về ý của Đại Bồ-tát này luôn luôn được biểu hiện, nên bất cứ lúc nào thân, ngữ, ý cũng thanh tịnh. Nhờ sự thanh tịnh này nên vượt qua các bậc Thanh văn và Độc giác, trụ ngôi vị Bồ-tát kiên cố chẳng động. Do đây thân, ngữ, ý thường được thanh tịnh. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành động như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển chẳng trọng lợi dưỡng chẳng màng danh dự, chẳng đắm nhiễm các việc ăn uống, y phục, đồ nằm, phòng nhà, cửa cải. Tuy thọ mười hai công đức Đỗ-đa nhưng trong ấy không có sự ý thị. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành động như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển thường tu Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đà, rốt ráo chẳng khởi tâm bốn sển, tham lam, phá giới, giận dữ, giải đãi, tán loạn, ngu si và các thứ phiền não trói buộc tâm tương ứng. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành động như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tuệ giác sâu xa kiên cố của tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển do lắng nghe chánh pháp, cung kính, tin thọ, chú tâm, tư duy nghĩa lý một cách rốt ráo, tùy theo pháp đã lãnh thọ thuộc thế gian hay xuất thế gian đều có thể phương tiện hội nhập vào nghĩa lý thứ sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật-đà. Các sự nghiệp đã tạo thuộc thế gian cũng đều dựa vào Bát-nhã ba-la-mật-đà để hội nhập pháp tánh. Chẳng thấy có một sự nghiệp nào ra ngoài pháp tánh ấy. Nếu có pháp nào chẳng tương ứng với pháp tánh, thì cũng có thể phương tiện hội nhập vào nghĩa lý thứ sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật-đà được. Do đây chẳng thấy pháp nào ra ngoài pháp tánh ấy. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành động như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, đối với Đại Bồ-tát không thoái chuyển, giả sử có ác ma xuất hiện ở trước và hóa ra tám địa ngục lớn, mà trong mỗi ngục lớn hóa ra vô lượng trăm ngàn Bồ-tát đều bị lửa dữ thiêu đốt và chịu khổ độc hại chua cay. Hóa làm như vậy rồi lại bảo các Bồ-tát không thoái chuyển:

–Các Bồ-tát này đều đã được thọ ký không thoái chuyển nơi quả vị Giác ngộ cao tột, nên mới rơi vào trong địa ngục lớn này, chịu các

thứ khổ cực như thế này. Nay Bồ-tát các ông đã nhận thọ ký không thoái chuyển nơi quả vị Giác ngộ cao tột, cũng sẽ đọa vào địa ngục lớn này để chịu các thứ khổ cực. Như vậy Phật đã thọ ký cho ông phải chịu khổ trong địa ngục lớn, chứ chẳng phải thọ ký không thoái chuyển nơi quả vị Giác ngộ cao tột. Thế nên các ông nên mau lìa bỏ tâm đại Bồ-dề may ra có thể thoát khỏi địa ngục này, sẽ sinh lên cõi trời hoặc làm người hưởng các sự sung sướng an vui. Khi nghe thấy việc này, tâm của Đại Bồ-tát không thoái chuyển không hề dao động, cũng chẳng kinh sợ nghi ngờ, chỉ nghĩ: “Đã nhận thọ ký là không thoái chuyển, mà Đại Bồ-tát còn đọa vào địa ngục, bàng sinh, quỷ giời, A-tố-lạc thì chắc chắn không có lẽ ấy.” Vì sao? Vì chắc chắn các Bồ-tát không thoái chuyển không có nghiệp bất thiện, cũng không có trường hợp nghiệp thiện mà phải chuốc lấy quả khổ như vậy. Chư Phật chắc chắn không có lời dối gạt. Những điều mà Như Lai nói ra đều vì lợi lạc tất cả hữu tình, vì lòng đại Từ, đại Bi mà Ngài nói ra. Những điều thấy nghe hôm nay hoàn toàn do ác ma làm ra, nói ra đều chẳng thật có. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành động tương trạng như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, đối với Đại Bồ-tát không thoái chuyển, giả sử có ác ma giả dạng Sa-môn đi đến gặp Bồ-tát và nói:

– Trước đây ông đã nghe khuyên nếu tu Bồ thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa thì sẽ mau viên mãn, cho đến nêu chứng quả vị Giác ngộ cao tột đã mong cầu. Những điều nghe được như vậy đều là tà thuyết, hãy mau lìa bỏ, chớ cho là chân thật. Vả lại trước đây ông đã nghe: “Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử từ khi phát tâm cho đến thời gian tồn tại của chánh pháp, luôn tùy hỷ với các công đức thiện căn đã có được, tập hợp tất cả và ban cho các hữu tình một cách bình đẳng, dùng vô sở đắc làm phương tiện cùng hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột.” Những lời đã nghe này cũng là tà thuyết hãy mau xả bỏ, chớ cho là chân thật. Nếu ông xả bỏ những tà pháp đã nghe, ta sẽ dạy ông Phật pháp chân chánh thanh tịnh, khiến ông tu học mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Những lời đã nghe trước đây chẳng phải lời dạy chân chánh của Phật mà chỉ là những văn tụng soạn ra một cách sai lầm. Lời ta nói mới là lời dạy chân chánh của Phật.

Thiện Hiện nên biết, nếu Đại Bồ-tát nghe lời này mà tâm dao động, nghi ngờ, sợ hãi. Phải biết vị ấy chưa nhận sự thọ ký không thoái chuyền nên chưa quyết định đối với quả vị Giác ngộ cao tột, chưa gọi là Đại Bồ-tát không thoái chuyền.

Thiện Hiện nên biết, khi nghe những lời này mà tâm các Đại Bồ-tát chẳng dao động, cũng chẳng nghi ngờ, sợ hãi, chỉ trụ vào pháp tánh không tạo tác, không tướng trạng, không sinh khởi thì dù có làm việc gì, Đại Bồ-tát này cũng chẳng tin vào lời người khác, chẳng theo sự chỉ dạy của người khác mà tu Bố thí cho đến chứng được quả vị Giác ngộ cao tột. Phải biết Đại Bồ-tát này đã được không thoái chuyền đối với quả vị Giác ngộ cao tột. Như bậc A-la-hán đã hết lậu hoặc, dù có làm việc gì cũng chẳng tin lời người khác, hiện chứng pháp tánh không lầm không nghi, tất cả ác ma không thể làm dao động. Tất cả Thanh văn, Độc giác, ngoại đạo và các ác ma không thể phá hoại, bẻ gãy tâm của Đại Bồ-tát không thoái chuyền này, cũng không thể làm cho họ thoái lui quả Bồ-đề. Đại Bồ-tát này chắc chắn đã trụ bậc không thoái chuyền, nên những sự nghiệp đã tạo đều tự mình xét nghĩ chẳng phải chỉ tin vào người khác mà hành động ngay, cho đến những lời dạy của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác còn không dễ dàng tín thọ phụng hành, huống chi lại tin lời Thanh văn, Độc giác, ngoại đạo và các ác ma mà làm theo.

Nếu Đại Bồ-tát này có làm điều gì, chẳng tự suy xét mà chỉ tin vào lời người khác, thì điều này chắc chắn không có. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này chẳng thấy có pháp có thể tin hành. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát chẳng thấy có sắc có thể tin hành. Chẳng thấy có thọ, tưởng, hành, thức có thể tin hành; cũng chẳng thấy có chân như của sắc có thể tin hành; chẳng thấy có chân như của thọ, tưởng, hành, thức có thể tin hành. Nói rộng cho đến chẳng thấy có tất cả hạnh của Đại Bồ-tát có thể tin hành; chẳng thấy có quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể tin hành. Cũng chẳng thấy có chân như của tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể tin hành; chẳng thấy có chân như của quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể tin hành.

Nếu Đại Bồ-tát thành tựu hành động tướng trạng như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyền.

Lại nữa Thiện Hiện, giả sử có ác ma giả dạng Bí-sô đến gặp tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển mà nói:

–Sự tu hành của các ông là pháp sinh tử chẳng phải hạnh Bồ-tát, chẳng phải do đó mà được quả vị Giác ngộ cao tột đã mong cầu. Hôm nay các ông nên tu đạo hết khổ, mau hết các khổ được vào Niết-bàn. Khi ấy, ác ma liền vì Bồ-tát thuyết đạo pháp tương tự đọa sinh tử. Đó là tưởng thây chết, hoặc tưởng xanh bầm, hoặc tưởng thối rửa, hoặc tưởng sinh chướng, hoặc tưởng trùng ăn, hoặc tưởng màu đỏ bầm, hoặc Từ, hoặc Bi, hoặc Hỷ, hoặc Xả, hoặc Sơ tĩnh lự, hoặc cho đến Đệ tử tĩnh lự, hoặc Không vô biên xứ, hoặc cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ và bảo Bồ-tát: “Đây là chân đạo, chân hạnh, do đạo này và hạnh này, ông sẽ chứng quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc Độc giác Bồ-đề. Do đạo này, hạnh này nên ông mau hết tất cả sinh, già, bệnh, chết. Cần gì phải chịu khổ sinh tử lâu dài làm gì? Thân khổ trong hiện tại còn phải chán bỏ huống lại đi cầu lấy thân khổ trong tương lai. Ông hãy tự suy xét mà bỏ đi những gì trước đây đã tin.”

Thiện Hiện nên biết, khi Đại Bồ-tát này nghe lời nói ấy rồi, tâm chẳng dao động cũng chẳng nghi ngờ, sợ hãi, chỉ nghĩ: “Bí-sô này giúp ích cho ta không ít, có thể vì ta thuyết đạo pháp tương tự, khiến ta biết được đạo này không thể chứng quả Dự lưu, cho đến không thể chứng được Độc giác Bồ-đề, huống gì sẽ chứng được quả vị Giác ngộ cao tột.” Nghĩ như vậy rồi, Đại Bồ-tát này rất vui mừng.

Lại nghĩ: “Nay Bí-sô này rất có ích cho ta, phương tiện vì ta thuyết pháp chướng đạo, khiến ta hiểu biết pháp chướng đạo, rồi ở trong ba thừa tự tại tu học.”

Thiện Hiện nên biết, khi ác ma kia thấy Bồ-tát này thâm tâm hoan hỷ, lại nói:

–Này thiện nam, nay ông có muốn thấy các Đại Bồ-tát đã mất thời gian dài tu hạnh vô ích chẳng? Nghĩa là các Đại Bồ-tát đã trải qua hằng hà sa số đại kiếp, dùng vô lượng vật thượng diệu như: Đồ ăn uống, áo mặc, đồ nằm, thuốc thang, cửa cải, hương hoa... cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen chư Phật Thế Tôn.

Lại ở chỗ của vô số chư Phật tu hành Bố thí cho đến Bát-nhã bala-mật-đa, học an trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không

tánh tự tánh; học an trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; học an trụ bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; tu bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; tu bốn Tịnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; tu ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; tu tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; tu các bậc của Đại Bồ-tát; tu tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; tu năm loại mắt, sáu phép thần thông; tu mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; tu đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả; tu pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; tu quán thuận nghịch mười hai duyên khởi để đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; tu các thần thông thù thắng của Bồ-tát cho đến tu trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Các Đại Bồ-tát này cũng gần gũi phụng sự hằng hà sa số chư Phật ở chỗ chư Phật thỉnh hỏi đạo của Đại Bồ-tát. Nghĩa là hỏi như vậy: Thế nào là Đại Bồ-tát an trụ Đại thừa? Thế nào là Đại Bồ-tát tu hành Bố thí ba-la-mật-đà cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đà; an trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; an trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; an trụ bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; tu hành bốn Tịnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; tu hành ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; tu hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; tu hành các bậc của Đại Bồ-tát; tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; tu hành mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; tu hành đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả; tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; tu hành pháp quán thuận nghịch mười hai duyên khởi, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; tu hành thần thông thù thắng của Bồ-tát; cho đến tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng? Hằng hà sa số chư Phật Thế Tôn được thưa hỏi như vậy, lần lượt vì họ thuyết pháp. Chúng Đại Bồ-tát này như lời Phật dạy, an trụ tu học, trải qua vô lượng kiếp tinh tấn dũng mãnh, còn không thể chứng quả vị Giác ngộ cao tột huống gì sự tu học của các ông ngày nay mà có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột ư?

Thiện Hiện nên biết, tuy nghe những điều này nhưng tâm các Đại Bồ-tát không thay đổi, chẳng kinh, chẳng sợ, không nghi, không

nhầm, lại vui mừng hơn và nghĩ: “Nay Bí-sô này cho ta nhiều lợi ích, vì ta mà phương tiện thuyết pháp chướng đạo, giúp ta biết được pháp chướng đạo này chắc chắn không thể chứng quả Dự lưu cho đến quả Độc giác Bồ-đề, huống gì sẽ chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.” Khi ác ma biết được tâm Bồ-tát này chẳng thoái lui, không nghi hoặc, liền hóa ra hình dạng vô lượng Bí-sô bảo với Bồ-tát:

–Trong quá khứ các Bí-sô này đều siêng cầu quả vị Giác ngộ cao tột, trải qua vô lượng kiếp tu hành các hạnh khổ khó hành mà chẳng được quả vị Giác ngộ cao tột đã cầu. Hôm nay đều lui trụ quả A-la-hán, các lậu đã hết, đến tận bờ khổ, thì làm sao các ông có thể chứng được quả vị Giác ngộ cao tột?

Thiện Hiện nên biết, nghe điều này rồi, Đại Bồ-tát liền nghĩ: “Chắc chắn ác ma đã giả dạng Bí-sô này để làm rối loạn tâm ta. Nhân đây ta thuyết đạo pháp chướng ngại tương tự: Hoàn toàn không có chúng Đại Bồ-tát nào tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa đến địa vị viên mãn mà không chứng được quả vị Giác ngộ cao tột lại lui vào Thanh văn, hoặc bậc Độc giác.”

Bấy giờ, Bồ-tát lại nghĩ: “Nếu Đại Bồ-tát tu hành Bố thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa đến địa vị cứu cánh mà chẳng được quả vị Giác ngộ cao tột, thì chắc chắn không có lẽ đó. Nói rộng cho đến, nếu Đại Bồ-tát tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đến địa vị viên mãn mà chẳng được quả vị Giác ngộ cao tột, thì chắc chắn không có lẽ đó.” Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành động như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển luôn hành Bát-nhã ba-la-mật-đa với ý nghĩ thế này: “Như lời Phật dạy, nếu Đại Bồ-tát siêng năng tu học, thường chẳng xa lìa diệu hạnh của sáu pháp Ba-la-mật-đa, thường chẳng xa lìa tác ý tương ứng với sáu pháp Ba-la-mật-đa, thường chẳng xa lìa tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí, thường dùng phương tiện khuyên các hữu tình siêng năng tu học Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tịnh lự và Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát này chắc chắn chẳng thoái lui Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; chắc chắn chẳng thoái lui pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; chắc chắn chẳng thoái lui chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chắc chắn

chẳng thoái lui bốn Thánh đế; chắc chắn chẳng thoái lui bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; chắc chắn chẳng thoái lui bốn Tịnh lự, bốn Vô lượng tâm, bốn Định vô sắc; chắc chắn chẳng thoái lui ba pháp môn giải thoát; chắc chắn chẳng thoái lui tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; chắc chắn chẳng thoái lui các bậc Bồ-tát; chắc chắn chẳng thoái lui tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chắc chắn chẳng thoái lui năm loại mắt sáu phép thần thông; chắc chắn chẳng thoái lui mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; chắc chắn chẳng thoái lui đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả; chắc chắn chẳng thoái lui pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; chắc chắn chẳng thoái lui trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thì nhất định sẽ chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.” Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành động như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển thường hành Bát-nhã ba-la-mật-đà với ý nghĩ như vậy: “Nếu Đại Bồ-tát biết được việc ma, chẳng theo việc ma, biết được bạn ác, chẳng nghe theo lời bạn ác; biết được cảnh giới nhưng chẳng chuyển theo cảnh giới. Đại Bồ-tát này quyết không thoái lui Bố thí ba-la-mật-đà cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đà; quyết không thoái lui pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; quyết không thoái lui chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; quyết không thoái lui bốn Thánh đế; quyết không thoái lui bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; quyết không thoái lui bốn Tịnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; quyết không thoái lui ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; quyết không thoái lui tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; quyết không thoái lui các bậc của Bồ-tát; quyết không thoái lui tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; quyết không thoái lui năm loại mắt, sáu phép thần thông; quyết không thoái lui mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; quyết không thoái lui đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả; quyết không thoái lui pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; quyết không thoái lui trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thì chắc chắn sẽ chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành động như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển nghe các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thuyết giáo pháp quan trọng này, thâm tâm hoan hỷ, cung kính, tín thọ, hiểu nghĩa lý một cách đúng đắn. Tâm họ vững chắc như kim cang không thể lay chuyển, không thể cướp đi, thường xuyên tu học Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tịnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng khuyên người khác tu học, tâm không nhảm chán. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành động như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Bấy giờ Thiện Hiện lại thưa với Phật:

–Đại Bồ-tát không thoái chuyển này làm thoái lui pháp nào nên được gọi là không thoái chuyển?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này làm thoái lui tưởng về sắc uẩn cho đến tưởng về thức uẩn nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui đối với tưởng về nhẫn xứ cho đến tưởng về ý xứ nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về sắc xứ cho đến tưởng về pháp xứ nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về nhẫn giới cho đến tưởng về ý giới nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về sắc giới cho đến tưởng về pháp giới nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về nhẫn thức giới cho đến tưởng về ý thức giới nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về nhẫn xúc cho đến tưởng về ý xúc nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về các thọ do nhẫn xúc làm duyên sinh ra cho đến tưởng về các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui về tưởng địa giới cho đến về tưởng thức giới nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về nhân duyên cho đến tưởng về tăng thượng duyên nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về vô minh cho đến tưởng về lão tử nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tư tưởng về tham, sân, si, tưởng về các kiến trú nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về Bố thí ba-la-mật-đa cho đến tưởng về Bát-nhã ba-la-mật-đa nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về pháp không bên trong cho đến tưởng về pháp không không tánh tự tánh nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về chân như cho đến tưởng về cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về bốn Thánh đế nên gọi là

không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về bốn Niệm trụ cho đến tưởng về tám chi Thánh đạo nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về bốn Tịnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyệt nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về tám Giải thoát cho đến tưởng về mười Biến xứ nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về bậc Tịnh quán cho đến tưởng về bậc Như Lai nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về bậc Cực hỷ cho đến tưởng về bậc Pháp vân nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về năm loại mắt, sáu phép thần thông nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về mười lực của Như Lai cho đến tưởng về mười tám pháp Phật bất cộng nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi vẻ đẹp nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về quả Dự lưu cho đến tưởng về Độc giác Bồ-đề nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng nên gọi là không thoái chuyển; làm thoái lui tưởng về các phàm phu, Thanh văn, Độc giác Bồ-tát và Phật nên gọi là không thoái chuyển. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát không thoái chuyển này dùng tự tướng không để quán tất cả pháp, đã nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát cho đến chẳng thấy một chút có pháp nào có thể nắm bắt. Vì chẳng thể nắm bắt được nên không có sự tạo tác. Vì không tạo tác nên gọi là rốt ráo không sinh. Vì rốt ráo không sinh nên gọi là Vô sinh pháp nhẫn. Do đạt được Vô sinh pháp nhẫn này nên gọi là Đại Bồ-tát không thoái chuyển. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành động như vậy thì biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.



KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐÀ

QUYẾN 515

Phẩm 20: TUỐNG KHÔNG THOÁI (2)

Lại nữa Thiện Hiện, giả sử có ác ma đi đến chỗ của tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển muôn làm cho họ nhảm chán quả vị Giác ngộ cao tột, bèn nói: “Trí Nhất thiết trí cùng với hư không như nhau, không tánh làm tánh, tự tướng vốn không. Các pháp cũng vậy, như hư không, không tánh làm tánh. Trong tự tướng không ấy, không có pháp nào có thể gọi là chủ thể chứng, không có một pháp nào có thể gọi là đối tượng được chứng; chỗ chứng, thời chứng và nhân duyên chứng, cũng chẳng thể nắm bắt được. Tất cả pháp đã như hư không, không tánh làm tánh, tự tướng vốn không, vì sao các ông phải chịu khổ cực vô ích để cầu chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột? Trước đây, ông đã nghe: “Các chúng Bồ-tát nên cầu quả vị Giác ngộ cao tột.” Đó đều là ma thuyết chẳng phải lời dạy chân chánh của Phật. Các ông nên bỏ tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, đừng vì lợi lạc tất cả hữu tình tự chuốc lấy khổ cực lâu dài, tuy hành các thứ hạnh khổ khó làm để mong cầu Bồ-đề nhưng rốt cuộc không thể được”; khi nghe nói những lời can ngăn như vậy Đại Bồ-tát ấy luôn xem xét kỹ việc của ác ma này, nghĩ rằng ác ma muốn làm thoái thất tâm đại Bồ-đề của ta. Ta chẳng nên tin nhận lời ấy. Tuy tất cả pháp như hư không, không tánh làm tánh, tự tướng vốn không nhưng các hữu tình trải qua sinh tử lâu dài, không biết không thấy, buông lung điên đảo, gây tạo các nghiệp, chuốc lấy khổ sinh tử. Ta phải mặc giáp công đức tánh tướng như hư không, mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, như pháp đã thuyết, vì các hữu tình làm cho họ được giải thoát các khổ sinh tử, được quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc Độc giác Bồ-đề, hoặc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, có thể làm lợi lạc cho tất cả đến tận đời vị lai. Đại Bồ-tát ấy từ lúc mới phát tâm đã nghe pháp này,

nên tâm vũng vàng chẳng dao động, chẳng thoái chuyển. Dựa vào tâm vũng vàng chẳng dao động chẳng thoái chuyển này thường chân chánh tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đà. Đã nhập vào ngôi vị Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, lại chân chánh tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đà, dần dần viên mãn, tháo gỡ hết trói buộc. Do đây được vào bậc không thoái chuyển. Vì vậy nên ác ma dù đã thiết lập nhiều loại phương tiện làm cho suy bại, nhưng không thể làm thoái lui tâm đại Bồ-đề mà Bồ-tát đã phát. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành trạng như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Cụ thọ Thiện Hiện liền bạch Phật:

–Đại Bồ-tát này vì không thoái chuyển nên gọi là không thoái chuyển, hay vì thoái chuyển mà gọi là không thoái chuyển?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này vì không thoái chuyển, nên gọi là không thoái chuyển; cũng vì thoái chuyển mà gọi là không thoái chuyển.

Bấy giờ, Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Vì sao Đại Bồ-tát này vì không thoái chuyển nên gọi là không thoái chuyển? Vì sao cũng vì thoái chuyển nên gọi là không thoái chuyển?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này vượt khỏi bậc Thanh văn và Độc giác, chẳng thoái lui vào trong hai bậc ấy; do đó nên nói vì không thoái chuyển nên gọi là không thoái chuyển. Đại Bồ-tát này xa lìa bậc Thanh văn và bậc Độc giác; đối với hai bậc ấy, nhất định từ bỏ; do đó nên nói vì thoái chuyển nên gọi là không thoái chuyển. Vì vậy Bồ-tát này có hai cách gọi, chẳng phải như các bậc khác chỉ gọi là thoái chuyển. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành trạng như thế thì chắc chắn được quả vị Giác ngộ cao tột. Các ác ma không thể làm thoái thất được.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển muốn vào Sơ thiền cho đến đệ Tứ thiền thì có thể vào tùy ý; muốn vào Từ vô lượng cho đến Xả vô lượng thì có thể vào tùy ý; muốn vào định Không vô biên xứ cho đến định Phi tưởng phi phi tưởng xứ có thể vào tùy ý; muốn vào bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo có

thể vào tùy ý; muốn vào Sơ giải thoát cho đến Diệt tướng thọ giải thoát có thể vào tùy ý; muốn vào Sơ thắng xứ cho đến Thắng xứ thứ tám có thể vào tùy ý; muốn vào Sơ tĩnh lự cho đến định Diệt tướng thọ có thể vào tùy ý; muốn vào Sơ biến xứ cho đến Biến xứ thứ mười có thể vào tùy ý; muốn vào pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện có thể vào tùy ý; muốn phát khởi năm Thần thông có thể phát khởi tùy ý.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này tuy vào bốn Tịnh lự cho đến phát khởi năm Thần thông mà chẳng thọ quả. Do nguyên nhân này nên chẳng theo năng lực Tịnh lự, Vô lượng, Đẳng chí cho đến Diệt định và các công đức khác mà thọ sinh. Cũng chẳng sở đắc quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc Độc giác Bồ-đề. Vì muốn lợi lạc cho các hữu tình nên tùy ý chủ động muốn thọ thân chõ nào đáng thọ liền theo ý muốn ấy đều được thành tựu; làm việc nên làm xong liền bỏ đi. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành trạng như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển thành tựu tác ý quả vị Giác ngộ cao tột thường chẳng xa lìa tâm đại Bồ-đề, chẳng quý sắc uẩn cho đến thức uẩn; chẳng quý nhãm xứ cho đến ý xứ; chẳng quý sắc xứ cho đến pháp xứ; chẳng quý nhãm giới cho đến ý giới; chẳng quý sắc giới cho đến pháp giới; chẳng quý nhãm thức giới cho đến ý thức giới; chẳng quý nhãm xúc cho đến ý xúc; chẳng quý các thọ do nhãm xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng quý địa giới cho đến thức giới; chẳng quý nhãm duyên cho đến tăng thương duyên; chẳng quý tất cả duyên tánh duyên khởi; chẳng quý các tướng tốt; chẳng quý vẻ đẹp; chẳng quý sở y; chẳng quý pháp có sắc, không sắc; chẳng quý pháp thấy được và không thấy được; chẳng quý pháp có đối và không đối; chẳng quý pháp hữu lậu hay vô lậu; chẳng quý pháp hữu vi hay vô vi; chẳng quý pháp thế gian và xuất thế gian; chẳng quý ngã; chẳng quý hữu tình cho đến chẳng quý cái biết, cái thấy; chẳng quý đồ chúng; chẳng quý quyến thuộc; chẳng quý địa vị; chẳng quý của cải; chẳng quý Bố thí ba-la-mật-đà cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đà; chẳng quý pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; chẳng quý chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng quý bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo;

chẳng quý mươi nẻo nghiệp thiện; chẳng quý bốn Tịnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng quý năm Thần thông; chẳng quý bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; chẳng quý pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; chẳng quý tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; chẳng quý bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; chẳng quý bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; chẳng quý tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chẳng quý năm loại mắt, sáu phép thần thông; chẳng quý mươi lực của Như Lai cho đến mươi tám pháp Phật bất cộng; chẳng quý đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả; chẳng quý pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; chẳng quý trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng quý quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; chẳng quý tất cả hạnh của Đại Bồ-tát; chẳng quý quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; chẳng quý sự trang nghiêm cõi Phật; chẳng quý sự thành thực hữu tình; chẳng quý thấy nhiều chư Phật; chẳng quý sự vun trồng căn lành. Vì sao vậy? Vì Đại Bồ-tát này hiểu rõ tất cả pháp như hư không, không tánh làm tánh, tự tướng đều là không; chẳng thấy có pháp nào có thể quý trọng. Năng sinh, sở sinh, thời sinh, chỗ sinh, nhân duyên sinh đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tất cả pháp cùng với hư không như nhau, tánh tướng đều không, vì nghĩa không sinh vạy. Đại Bồ-tát này thành tựu tác ý quả vị Giác ngộ cao tột, thường không xa lìa tâm đại Bồ-đề; bốn oai nghi của thân khi ra vào qua lại, hạ chân cất bước, tâm không tán loạn, oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi tiến dừng ra làm công việc đều trụ chánh niệm. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành trạng như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, vì lợi lạc các hữu tình tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển hiện ở nhà thế tục, phương tiện thiện xảo, dù đang thụ hưởng đủ năm dục lạc nhưng chẳng đắm nhiễm các thứ ấy, chỉ muốn cứu giúp các hữu tình. Nghĩa là các hữu tình cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần áo cho áo, cần xe cho xe cho đến tất cả vật cần dùng đều cấp cho, khiến họ được mãn nguyện. Đại Bồ-tát này tự hành Bồ thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng khuyên người khác hành Bồ thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, thường chánh thức khen ngợi pháp hành Bồ thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa và hoan hỷ tán thán người tu hành Bồ thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát này tuy

ở nhà thế tục, nhưng dùng sức thần thông hoặc sức đại nguyện thâu nhiếp các thứ châu báu của cải đầy châu Thiệtm-bộ cho đến thế giới ba lần ngàn, dùng để cúng dường Phật, Pháp, Tăng bảo và bối thí cho các loài hữu tình nghèo thiểu. Đại Bồ-tát này dù đang ở nhà thế tục mà vẫn thường tu phạm hạnh, không bao giờ thọ dụng các cảnh giới diệu dục. Dù đang quản lý nhiều thứ của cải, châu báu mà chẳng đắm nhiễm các thứ ấy. Lại khi hưởng thọ các thứ dục lạc và của cải châu báu, không bao giờ ép bức các loài hữu tình khiến họ sầu khổ. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành trạng như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển được những Vương thần, Dược-xoa cầm chày Kim cang thường theo hai bên ngầm bảo vệ. Các vị thần thường nghĩ thế này: “Đại Bồ-tát này chẳng bao lâu sẽ chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Ta nguyện sẽ đi theo ngầm bảo vệ giúp đỡ cho đến khi đạt quả vị Giác ngộ cao tột.” Dòng họ thần Dược-xoa cầm Kim cang thường theo bảo vệ, không lúc nào rời bỏ. Người và phi nhân... đều không thể làm tổn hại. Trời, Ma, Phạm và các loài khác trong thế gian cũng không thể dùng pháp phá hoại tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột đã phát. Do nguyên nhân này, các Bồ-tát ấy, cho đến khi đạt quả vị Giác ngộ cao tột, thân ý thư thả, không ưu não. Năm căn thế gian của Đại Bồ-tát này thường không khiếm khuyết giảm. Đó là mắt, tai, mũi, lưỡi và thân. Năm căn xuất thế gian cũng không khuyết giảm. Đó là Tín, Tấn, Niệm, Định và Tuệ. Thân thể Đại Bồ-tát này đầy đủ tướng hảo trang nghiêm, các công đức nơi tâm mỗi niệm mỗi niệm tăng tiến cho đến khi chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các tướng trạng hành trạng như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển thường làm bậc thượng sĩ không làm kẻ hạ sĩ.

Cụ thọ Thiện Hiện liền bạch Phật:

– Thế nào là Đại Bồ-tát thường được làm bậc thượng sĩ không làm kẻ hạ sĩ?

Phật bảo:

– Thiện Hiện, tất cả phiền não của Đại Bồ-tát này chẳng còn hiện tiền, thiện pháp tăng trưởng trong từng sát-na, cho đến khi chứng đắc

quả vị Giác ngộ cao tột bất cứ lúc nào tâm cũng không tán loạn. Vì thế nên ta nói Đại Bồ-tát thường làm thượng sĩ không làm hạ sĩ. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu tướng hành trạng như thế thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển thành tựu tác ý quả vị Giác ngộ cao tột, chẳng xa lìa tâm đại Bồ-đề, thường sinh sống bằng nghề thanh tịnh thân mạng, chẳng hành chú thuật, bốc thuốc, bói toán, các việc tà mạng. Chẳng vì danh lợi chú các quỷ thần làm cho họ dựa vào nam nữ để phái bói hỏi việc tốt xấu; cũng chẳng chú nguyện cho trai gái, lớn bé, bàng sinh, loài quỷ... hiện ra những chuyện hiếm có; cũng chẳng bói xem tướng, tuổi thọ dài ngắn, tiền của, chức vị, nam nữ và các việc thiện ác; cũng chẳng dự đoán nóng lạnh, được mùa mất mùa, lành dữ, tốt xấu làm náo loạn hữu tình; cũng chẳng chú nguyện hòa trộn thuốc thang, tả đạo trị chữa bệnh tật, bằng tả đạo thân với người phú quý; cũng chẳng vì người khác lanh sứ mạng liên lạc, hiện ra tướng thân hữu để mong lợi cầu danh; cũng chẳng đem tâm niêm xem nhìn nam nữ cười giỡn và nói năng, huống gì có việc khác; cũng chẳng cung kính, cúng dường quý thần. Thế nên ta nói thường làm thượng sĩ chẳng làm hạ sĩ. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này biết tánh, tướng của tất cả pháp đều là không. Trong tánh, tướng không ấy chẳng thấy có tướng. Vì chẳng thấy có tướng nên xa lìa các thứ tà mạng chú thuật, bốc thuốc, xem tướng mà chỉ cầu quả vị Giác ngộ cao tột, thường làm lợi ích cho các hữu tình. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành trạng như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển tuy được thiện xảo các văn chương kỹ nghệ thế gian nhưng chẳng đắm trước. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này thấu rõ tất cả pháp rốt ráo là không. Trong cái không rốt ráo ấy, bao nhiêu văn chương kỹ nghệ mà thế gian có được đều chẳng thể nắm bắt được. Vả lại, văn chương kỹ nghệ của thế gian đều là những lời tạp uế, thuộc loại tà mạng. Vì thế, tuy Bồ-tát biết nhưng chẳng làm.

Thiện Hiện nên biết, đối với các thơ luận thế tục ngoại đạo, Đại Bồ-tát này biết rành rõ nhưng chẳng ưa đắm. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này thấu rõ tánh tướng tất cả pháp đều là không. Trong tánh tướng

không ấy, tất cả thơ luận đều chẳng thể nắm bắt được. Vả lại, trong các thơ luận thế tục ngoại đạo đã thuyết, những sự lý phần nhiều có thêm bớt. Đối với đạo Bồ-tát chẳng thể nào tùy thuận được, vì chúng đều thuộc vào những lời hý luận tạp uế, nên các Bồ-tát biết nhưng chẳng ưa. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các hành trạng như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển còn có nhiều hành trạng khác nữa để biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển. Ta sẽ vì ông phân biệt giải nói. Ông hãy lắng nghe cho kỹ, tư duy cho rốt ráo.

Thiện Hiện thưa thỉnh:

–Đạ, xin thuyết cho, hôm nay chúng con dốc lòng muốn nghe!

Phật dạy:

–Thiện Hiện, đã có Đại Bồ-tát không thoái chuyển hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tuy thông suốt các pháp đều không thật có, thường chẳng xa lìa tâm đại Bồ-đề nhưng chẳng ưa quán sát luận thuyết về các uẩn, các xứ và các giới. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này đã tư duy rốt ráo và thông suốt hoàn toàn chân lý về tánh tướng không của uẩn, xứ, giới.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này chẳng ưa xem xét luận nói về việc chúng. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này đã tư duy rốt ráo và thông suốt hoàn toàn chân lý về tánh tướng không của tất cả chúng.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này chẳng ưa xem xét luận nói về việc vua. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này đã trụ bản tánh không, nên chẳng thấy pháp nhỏ nào có tướng hơn, thua, sang hèn.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này chẳng ưa xem xét luận nói về việc kẻ giặc. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này đã trụ tự tướng không, nên chẳng thấy pháp nhỏ nào có tướng được mất, cho và cướp lấy.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này chẳng ưa xem xét luận nói về việc quân. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này đã trụ bản tánh không, nên chẳng thấy các pháp có tướng nhiều ít, hợp và tan.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này chẳng ưa xem xét luận nói về việc chiến đấu. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này đã khéo an trụ lý chân như các pháp là không, nên chẳng thấy pháp nhỏ nào có tướng mạnh, yếu, thương, giận.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này chẳng ưa xem xét luận nói về chuyện nam, nữ. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này đã trụ các pháp không, nên chẳng thấy pháp nhỏ nào có tướng đẹp, xấu, thương ghét.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này chẳng ưa xem xét luận nói về xóm làng. Vì sao? Đại Bồ-tát này đã trụ các pháp không, nên chẳng thấy pháp nhỏ nào có tướng tảng giảm, hợp tan.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này chẳng ưa xem xét luận nói về thành ấp. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này đã trụ các pháp không, nên chẳng thấy pháp nhỏ nào có tướng lệ thuộc, chẳng lệ thuộc tốt xấu.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này chẳng ưa xem xét luận nói về chuyện quốc độ. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này an trụ Niết-bàn nên chẳng thấy các pháp có tướng lệ thuộc hay không lệ thuộc bên này, bên kia.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này chẳng ưa xem xét luận nói về tướng hảo. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này an trụ vô tướng nên chẳng thấy các pháp có tướng đẹp, xấu sai khác.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này chẳng ưa xem xét luận nói về ngã, về hữu tình cho đến cái biết, cái thấy. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này an trụ rốt ráo không, nên hoàn toàn không thấy tướng ngã cho đến cái thấy, hoặc có, hoặc không sai khác.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này chẳng ưa xem xét luận nói về các việc thế gian như thế, chỉ ưa xem xét luận nói về Bát-nhã ba-la-mật-đà. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật-đà sâu xa xa lìa các tướng, có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này thường không xa lìa tác ý tướng ưng trí Nhất thiết trí, tu hành Bố thí ba-la-mật-đà lìa bỏ việc xan tham; tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đà, lìa bỏ sự phạm giới; tu hành An nhẫn ba-la-mật-đà, lìa bỏ việc giận hờn tranh chấp; tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đà, lìa bỏ sự lười nhác; tu hành Tịnh lự ba-la-mật-đà, lìa bỏ sự tán loạn; tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đà, lìa bỏ trí tuệ xấu ác.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này tuy trụ pháp không của tất cả pháp nhưng lại ưa thích chánh pháp, chẳng thích phi pháp. Tuy trụ pháp không chẳng thể nắm bắt được nhưng thường khen ngợi công đức Tam bảo.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này tuy tu hành tướng chân như,

pháp giới của các pháp và đồng một vị, nhưng thích khen ngợi các loại công đức của chân như, pháp giới.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này tuy biết các pháp rốt ráo đều là không nhưng lại mến bạn lành, chẳng ưa bạn ác. Bạn lành gồm Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các chúng Đại Bồ-tát, hoặc hàng Thanh văn và bậc Độc giác... có thể an lập, giáo hóa hữu tình một cách hoàn hảo, khiến họ hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột nên được gọi là bạn lành.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này thích gần gũi tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác để lắng nghe chánh pháp. Nếu nghe Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đang thuyết chánh pháp tại thế giới khác liền dùng nguyện lực vãng sinh đến thế giới ấy, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen lãnh thọ chánh pháp.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này hoặc ngày, hoặc đêm, thường chẳng xa lìa tác ý niêm Phật, cũng chẳng xa lìa tác ý nghe pháp. Nhờ nhân duyên này, những quốc độ nào có Phật Thế Tôn đang thuyết chánh pháp, vì ấy liền nương vào nguyện lực đến cõi ấy thọ sinh, hoặc nương thần thông đến đó nghe pháp. Do nguyên nhân đó nên các Đại Bồ-tát này đời đời kiếp kiếp sinh đến chỗ nào cũng chẳng lìa Phật, thường nghe chánh pháp không có gián đoạn.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này thường làm lợi lạc cho các hữu tình nên tuy có thể khởi lên tinh lự về các cõi định Vô sắc sâu xa nhưng cũng phương tiện khéo léo khởi tâm về cõi Dục để giáo hóa các hữu tình tu mười nẻo nghiệp thiện, cũng theo nguyện lực sinh vào quốc độ hiện có Phật thuộc cõi Dục để cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen chư Phật Thế Tôn, để lắng nghe chánh pháp, tu các thắng hạnh. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu tướng hành trạng như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển thường hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; thường hành pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; thường hành chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; thường hành bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; thường hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; thường hành bốn Tịnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; thường hành pháp môn giải thoát Không,

Vô tướng, Vô nguyệt; thường hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; thường hành các địa vị thù thắng của Bồ-tát; thường hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; thường hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; thường hành mươi lực của Như Lai cho đến mươi tám pháp Phật bất cộng; thường hành đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả; thường hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; thường hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; thường hành tất cả hạnh của Đại Bồ-tát; thường cầu quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này thường không nghi ngờ đối với tâm địa của mình, không nghĩ: “Ta là bậc không thoái chuyển. Ta chẳng phải không thoái chuyển.” Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này chẳng thấy có chút pháp nào nơi quả vị Giác ngộ cao tột để nói có thoái chuyển, hoặc nói không thoái chuyển.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này không có nghi ngờ đối với pháp của địa vị chính mình. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này đã hiểu rõ ráo, thông suốt hoàn toàn đối với pháp của địa vị chính mình.

Thiện Hiện nên biết, như bậc Dự lưu trụ quả Dự lưu không có nghi ngờ đối với pháp của quả ấy. Bậc Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác và các Như Lai Úng Chánh Đẳng Giác đều trụ quả của riêng mình và không có sự nghi ngờ đối với pháp trong chính quả ấy. Đại Bồ-tát này cũng như vậy, đối với các pháp thuộc về địa vị không thoái chuyển mà mình đang trú thì biết rõ thấy rõ, không còn mê hoặc nghi ngờ.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này trụ trong địa vị này, đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, tu các công đức nếu có việc ma khởi lên liền giác tri ngay, chẳng chuyển theo thế lực của ma, có thể tiêu diệt hoàn toàn các việc của ác ma làm cho công đức tu hành không bị chướng ngại.

Thiện Hiện nên biết, như người tạo nghiệp vô gián, tâm vô gián ấy luôn luôn theo sát họ cho đến lúc qua đời cũng không rời bỏ. Vì sao? Vì nó hay phát sinh sự ràng buộc nghiệp vô gián, do thế lực tăng thêm nên chuyển biến mãi cho đến khi qua đời cũng không thể chế phục được. Giá như có tâm khác cũng không thể ngăn chặn được. Đại Bồ-tát này cũng như vậy, an trụ nơi địa vị của mình, tâm chẳng dao

động không có sự phân biệt, nên không bị Trời, Người, A-tố-lạc... ở thế gian xoay chuyển nổi. Vì sao? Vì tâm của Đại Bồ-tát này vũng vàng, vượt qua Trời, Người, Ma, Phạm, A-tố-lạc... ở thế gian, đã nhập vào Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, trụ bậc không thoái chuyển, đã được thần thông thù thắng của Bồ-tát để đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác cũng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen chư Phật Thế Tôn và các đệ tử Phật, lắng nghe chánh pháp. Ở chỗ chư Phật, gieo trồng nhiều căn lành, thỉnh hỏi pháp nghĩa mà Bồ-tát đã học.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này an trú tự địa, nếu có khởi ma sự liền biết ngay, không bao giờ chuyển theo ma sự ấy, dùng phương tiện thiện xảo tập trung các ma sự để vào trong thật tế, rồi phương tiện trừ diệt. Đối với pháp của tự địa không mê hoặc nghi ngờ. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này biết tất cả pháp đều vào thật tế, thông suốt thật tế, chẳng một chẳng nhiều. Ở trong thật tế không có sự phân biệt. Vì đối với thật tế không còn mê hoặc nghi ngờ gì, đối với pháp của địa mình cũng không có do dự.

Thiện Hiện nên biết, nếu có chuyển thọ sinh thì Đại Bồ-tát này cũng chẳng thoái lui đối với thật tế, không bao giờ phát khởi tác ý hướng tới Thanh văn và bậc Độc giác. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này biết tự tướng tất cả pháp đều là không. Trong cái không này chẳng thấy có pháp nào hoặc sinh, hoặc diệt, hoặc nhiễm, hoặc tịnh.

Thiện Hiện nên biết, cho đến khi chuyển thân, Đại Bồ-tát này cũng chẳng nghi ngờ: “Ta sẽ đắc quả vị Giác ngộ cao tột hay sẽ không đắc.” Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này thông suốt tự tướng các pháp đều không, tức là quả vị Giác ngộ cao tột.

Thiện Hiện nên biết, Đại Bồ-tát này an trú địa của mình chẳng theo duyên bên ngoài. Đối với pháp nơi địa mình chẳng ai có thể phá hoại được. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này thành tựu trí không dao động, không thoái lui. Tất cả ác duyên không thể làm lung lay được. Nếu Đại Bồ-tát này thành tựu các tướng hành trạng như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, giả sử có ác ma giả hình dạng Phật đến chỗ của tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển mà nói thế này: “Nay, ông nên cầu quả A-la-hán, chấm dứt các lậu, chứng nhập Niết-bàn. Ông

chưa được thọ ký đại Bồ-đề, cũng chưa chứng được Vô sinh pháp nhẫn. Nay ông chưa có các tướng hành trạng của bậc không thoái chuyển. Như Lai không nên thọ ký quả vị Giác ngộ cao tột cho ông. Ông phải có đủ các tướng hành trạng của bậc không thoái chuyển mới có thể mong Phật thọ ký quả vị Giác ngộ cao tột.” Khi nghe những lời này rồi, tâm của Đại Bồ-tát ấy chẳng dao động, chẳng thoái lui, chẳng hụt hẫng, chẳng sợ hãi. Đại Bồ-tát này phải tự chứng biết: “Ta đã được thọ ký đại Bồ-đề ở chỗ các Đức Phật quá khứ.” Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đã thành tựu các thắng pháp như vậy, chắc chắn chư Phật sẽ thọ ký đại Bồ-đề. Ta đã thành tựu các thắng pháp như vậy lẽ nào Thế Tôn chẳng thọ ký cho ta? Vì thế nên chắc chắn ta được chư Phật quá khứ thọ ký đại Bồ-đề. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các tướng hành trạng như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, giả sử có ác ma hoặc sứ giả của ma giả dạng Đức Phật đến chỗ tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển thọ ký bậc Thanh văn, hoặc bậc Độc giác cho Bồ-tát và bảo Bồ-tát: “Thiện nam, cần gì quả vị Giác ngộ cao tột, sinh tử luân hồi, miệt mài chịu khổ! Hãy mau chứng Vô dư Niết-bàn, chấm dứt sinh tử, an vui hoàn toàn.” Khi nghe lời ấy rồi, Đại Bồ-tát này nghĩ: “Chắc chắn đây là ác ma hoặc sứ giả của ma giả dạng Đức Phật để quấy nhiễu tâm ta, thọ ký cho ta bậc Thanh văn và Độc giác, khiến ta thoái lui nơi quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì nhất định không có chư Phật nào dạy các Bồ-tát hướng tới quả vị Thanh văn và Độc giác, lìa bỏ quả vị Giác ngộ cao tột.” Nếu Đại Bồ-tát thành tựu các tướng hành trạng như vậy thì biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa Thiện Hiện, giả sử có ác ma hoặc sứ giả của ma giả dạng Đức Phật đến chỗ tất cả Đại Bồ-tát không thoái chuyển mà bảo: “Kinh điển Đại thừa mà ông đã thọ trì chẳng phải Phật thuyết, cũng chẳng phải đệ tử Phật thuyết. Đó là các ác ma hoặc các ngoại đạo vì dối gạt ông nên nói như vậy. Nay ông chớ nên thọ trì, đọc tụng.” Khi Đại Bồ-tát này nghe lời ấy rồi bèn nghĩ: “Chắc chắn đây là ác ma, hoặc quyền thuộc của ma khiến ta chán bỏ quả vị Giác ngộ cao tột, nên nói kinh điển Đại thừa sâu xa ấy chẳng phải Phật thuyết, cũng chẳng phải đệ tử Như Lai thuyết. Vì sao? Vì lìa kinh điển này mà có thể chứng được quả vị Giác ngộ cao tột chắc chắn không có lẽ đó.”